

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Bùi Thị Ngân**
Giảng viên hướng dẫn : **Ths. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY DỰNG VẠN TÀI PHÚC THỊNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thị Ngân
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Ngân

Mã SV: 1012401362

Lớp: QT1403K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 01 tháng 04 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 01 tháng 07 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Bùi Thị Ngân

Ths. Trần Thị Thanh Phương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu ...):

- Về mặt lý luận : tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....10(Mười).....
.....

Hải Phòng, ngày ..27. tháng ...06... năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Thanh Phương

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp	2
1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu:	2
1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	3
1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp	4
1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	7
1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	8
1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	9
1.4. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	10
1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....	10
1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10
1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
1.4.1.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	15
1.4.1.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	19
1.4.2. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	20
1.4.3. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	22
1.4.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	24
1.4.4.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	24

1.4.4.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	26
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	27
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH	28
2.1. Khái quát chung về Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.....	28
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.	28
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh	29
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.....	29
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh. ..	31
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.	31
2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách , chế độ kế toán áp dụng tại công ty cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh.....	32
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh.....	34
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.....	34
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh. .	40
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.	45
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.....	50
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty CP XDVT Phúc Thịnh ..	58
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.	68

CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH 78

3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh..... 78

3.1.1.Đánh giá chung..... 78

3.1.2.Kết quả đạt được 78

3.1.2.1.Về bộ máy kế toán:..... 79

3.1.2.2.Về hình thức kế toán: 79

3.1.2.3.Về chứng từ kế toán: 79

3.1.2.4.Về việc vận dụng hệ thống tài khoản..... 80

3.1.2.5.Về hệ thống sổ sách kế toán..... 80

3.1.2.6.Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 80

3.1.3.Hạn chế..... 81

3.1.3.1.Về tài khoản sử dụng..... 81

3.1.3.2.Về sổ sách sử dụng 81

3.1.3.3. Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán..... 81

3.1.3.4 Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại 82

3.1.3.5. Xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động 82

3.1.3.6. Về qui trình luân chuyển chứng từ..... 82

3.1.3.7.Sử dụng phần mềm kế toán trong kế toán..... 82

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh..... 82

3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện: 82

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh..... 83

3.2.2.1. Hoàn thiện tài khoản sử dụng.....	83
3.2.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách sử dụng.....	83
3.2.2.3. Áp dụng chiết khấu thanh toán tại Công ty cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh	88
3.2.2.4. Về việc áp dụng chiết khấu thương mại (đối với lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng).....	89
3.2.2.5. Xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động	90
3.2.2.6. Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán.....	91
3.2.2.7. Sử dụng phần mềm kế toán trong tổ chức kế toán.....	92
KẾT LUẬN.....	96
TÀI LIỆU THAM KHẢO	97

LỜI MỞ ĐẦU

Cùng với xu hướng hội nhập của toàn thế giới, đất nước ta từng bước đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước với xu thế hội nhập và phát triển. Nền kinh tế thị trường đã mang lại cơ hội, thách thức lớn cho các doanh nghiệp đồng thời mang lại những lợi ích cho người tiêu dùng. Các doanh nghiệp muốn tồn tại thì phải tìm được các phương thức sản xuất kinh doanh phù hợp với sản phẩm của mình để có thể cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu của thị trường. Chính vì vậy kế toán được sử dụng như là một công cụ quản lý để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về tình hình tiêu thụ trên thị trường đồng thời đánh giá cắt lớp thị trường, giúp cho các nhà quản lý đề ra các quyết định đúng đắn và có hiệu quả trong sản xuất, tiêu thụ và đầu tư nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững.

Trong quá trình thực tập tại Công ty cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh em đã quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh”** cho bài khóa luận của mình. Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận của em gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên phòng kế toán Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này

Do thời gian và trình độ còn hạn chế nên bài viết này không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Bùi Thị Ngân

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu:

+ Khái niệm về doanh thu:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14).

+ Phân loại doanh thu:

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thêm ngoài giá bán (nếu có).

❖ Doanh thu tiêu thụ nội bộ

Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính

Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ,...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái.

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.

- Chênh lệch lãi chuyên nhượng vốn.

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ **Thu nhập khác**

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.

- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.

- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.

- Thu được các khoản nợ phải thu đã xoá sổ tính vào chi phí kỳ trước.

- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.

- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.

- Các khoản thu khác.

1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

➤ ***Chiết khấu thương mại:***

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

➤ ***Giá trị hàng bán bị trả lại:***

Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng

chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

➤ **Giảm giá hàng bán:**

Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

➤ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu cấu thành trong giá bán sản phẩm.

- Thuế xuất khẩu là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng.

$$\text{GTGT của hàng hóa dịch vụ} = \frac{\text{Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra}}{\text{Giá vốn hàng hóa, dịch vụ bán ra}}$$

1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp

✚ **Khái niệm:**

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn toàn hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

✚ **Phân loại chi phí**

Chi phí doanh nghiệp bao gồm:

❖ **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Chi phí bán hàng:** Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bán hàng bao gồm:

- *Chi phí nhân viên bán hàng:* phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá,... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...

- *Chi phí vật liệu, bao bì:* phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hoá, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, vận chuyển sản phẩm,... dùng cho bộ phận bán hàng.

- *Chi phí dụng cụ, đồ dùng:* phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc,...

- *Chi phí khấu hao TSCĐ:* phản ánh chi phí khấu hao ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng,...

- *Chi phí bảo hành:* dùng để phản ánh khoản chi phí dùng để bảo hành sản phẩm, hàng hoá.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài:* phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi,...

- *Chi phí bằng tiền khác:* Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, quảng cáo, chào hàng,...

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- *Chi phí nhân viên quản lý:* phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- *Chi phí vật liệu quản lý:* phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm công ty TNHH Linh Hòa ,... vật liệu sử dụng cho sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ,...

– *Chi phí đồ dùng văn phòng*: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.

– *Chi phí khấu hao TSCĐ*: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc,...

– *Thuế, phí và lệ phí*: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, tiền thuê đất, ... và các khoản phí, lệ phí khác.

– *Chi phí dự phòng*: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

– *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,...

– *Chi phí bằng tiền khác*: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi phí đã kể trên, như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ,...

❖ Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

❖ Chi phí khác

Phản ánh những khoản phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

– Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

– Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

– Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

– Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

– Các khoản chi phí khác.

❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

– Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

– Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

– Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

✚ Kết quả hoạt động kinh doanh

Là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.
- Hoạt động tài chính là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.
- Hoạt động khác là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

➤ Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
---------------------------------------	---	---	---	------------------	---	------------------	---	------------------------------

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{về bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

Kết quả hoạt động tài chính

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{hoạt động tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí tài chính} \end{array}$$

Kết quả hoạt động khác

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh

nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp mà còn cần thiết đối với các đối tượng khác như nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã,... đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ bán ra.
- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.
- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.4. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

✓ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14 - Bán hàng và công bố theo quyết định số 149/ QĐ- BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng bộ tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đó chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đó thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch BH
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

✓ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✓ Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT
- Đối với sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm hàng hóa, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu)
- Những Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì phản ánh vào doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công
- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả góp thì Doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả một lần không bao gồm lãi trả góp, và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.
- Những sản phẩm hàng hóa được xác định là tiêu thụ nhưng vì lý do về chất lượng, về quy cách kỹ thuật.. người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá hàng bán và đã được Doanh nghiệp chấp nhận, hoặc người mua mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng được theo dõi riêng biệt trên tài khoản “chiết khấu thương mại”, tài khoản “ giảm giá hàng bán” và tài khoản “hàng bán bị trả lại”
- Trường hợp trong kỳ Doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng thì trị giá số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi nhận vào TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, mà chỉ hạch toán vào TK131 “phải thu khách hàng” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực hiện giao hàng cho người mua hàng thì mới hạch toán vào TK511 về giá trị hàng đã giao, đã thu trước tiền hàng, phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu
- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho

thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ được thực hiện như quy định đối với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, nghĩa là chỉ phản ánh doanh thu nội bộ số doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của đơn vị thành viên cung cấp cho nhau. Doanh thu bán hàng nội bộ là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh nội bộ của các đơn vị thành viên

- Việc ghi nhận một khoản doanh thu phải tương ứng với nó là một khoản chi phí hợp lý tạo ra doanh thu đó

✓ **Các phương thức bán hàng**

– ***Phương thức bán hàng trực tiếp:***

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và kí vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ.

Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại địa điểm nào đó đã quy định trước trong hợp đồng: sản phẩm khi xuất kho chuyên đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ.

– **Phương thức gửi hàng đi cho khách hàng:**

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

– **Phương thức bán hàng qua đại lý**

Đối với đơn vị có hàng ký gửi (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ % trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng. Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: số sản phẩm, hàng hoá nhận bán ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.

– **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:**

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

✓ **Chứng từ sử dụng.**

- Hoá đơn bán hàng thông thường(đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Hoá đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Phiếu xuất kho, Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng, Các chứng từ khác có liên quan, Hợp đồng kinh tế

✓ **Tài khoản sử dụng.**

❖ **TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản 511 có 6 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

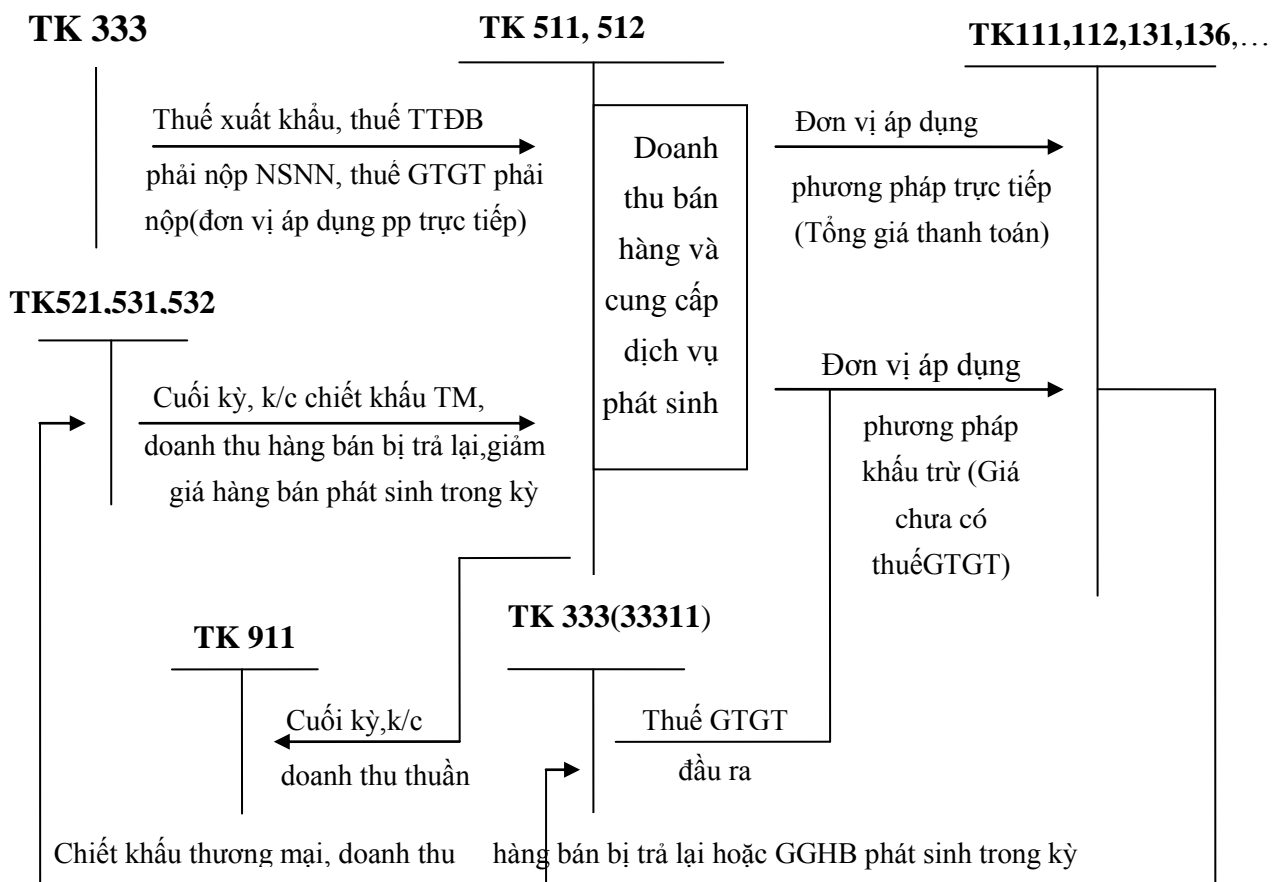
❖ **Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ**

Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

➤ Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.1. Kế toán tổng hợp bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

✓ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

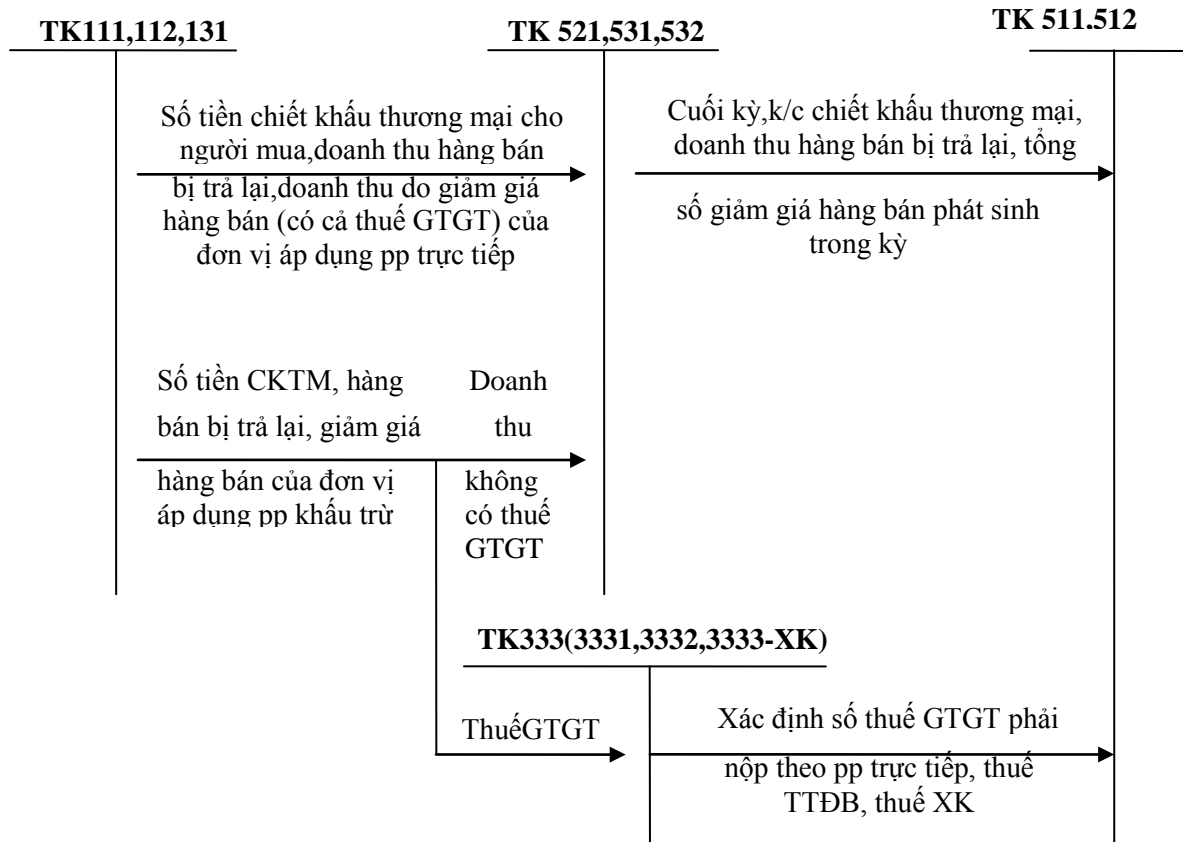
✓ Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 521: Chiết khấu thương mại

Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hóa
- Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm

- Tài khoản 5213 – Chiết khấu dịch vụ
- ❖ **Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại**
- ❖ **Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán**
- ✓ **Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**



Sơ đồ 1.2 - Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.1.3. Kế toán giá vốn hàng bán

- ✓ **Phương pháp tính giá vốn hàng bán**
- *Phương pháp bình quân gia quyền*

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá GBC, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá GBC, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng GBC, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng GBC, HH nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phân hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế GBC, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng GBC, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

– *Phương pháp FIFO (nhập trước xuất trước)*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết.

Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

– *Phương pháp LIFO (nhập sau xuất trước)*

Theo phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc được sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

– *Phương pháp giá thực tế đích danh*

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn,

mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

✓ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ liên quan

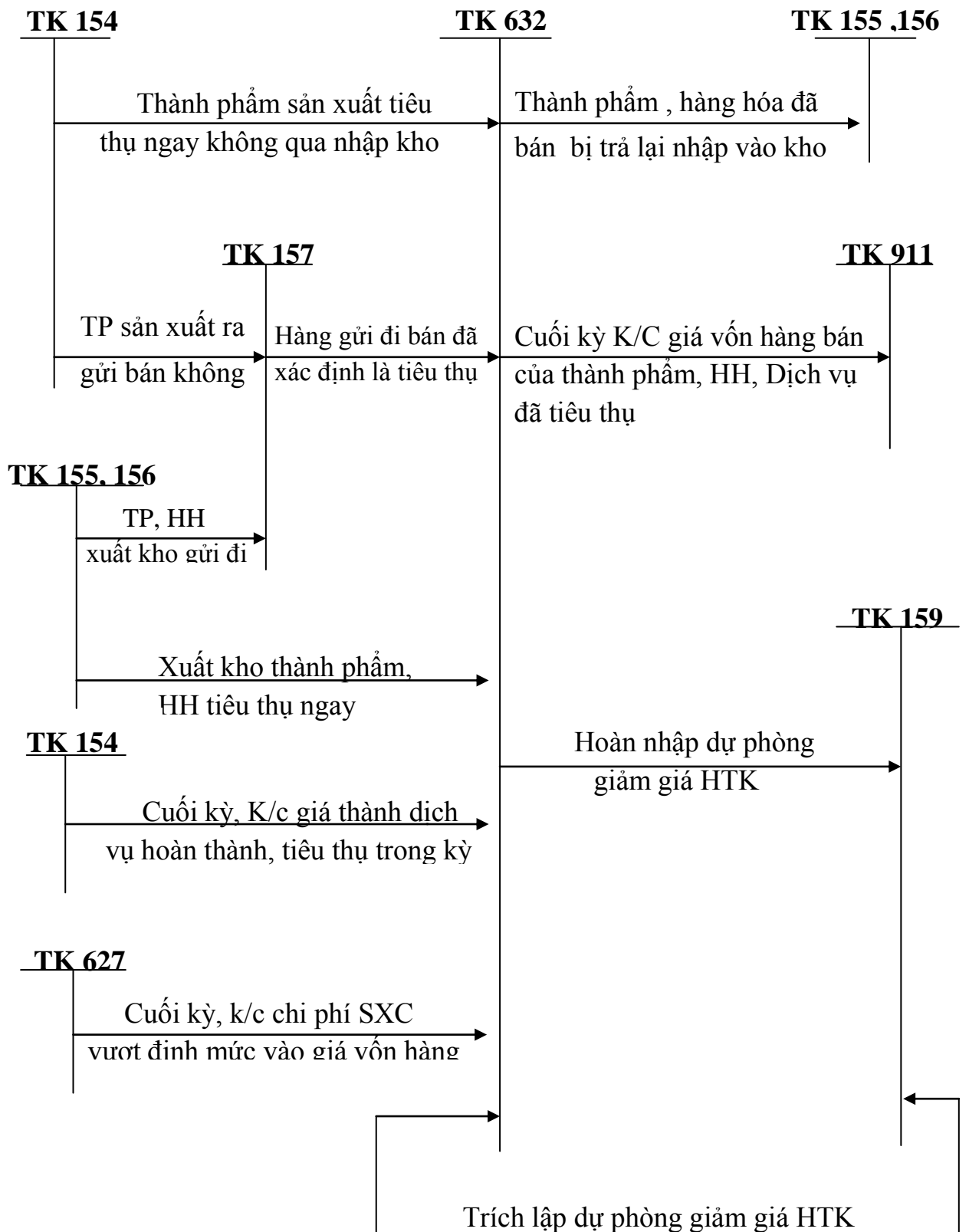
✓ **Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 632: “Giá vốn hàng bán”

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

✓ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.3: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



1.4.1.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

✓ *Chứng từ sử dụng.*

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

✓ *Tài khoản sử dụng.*

❖ **TK 641 – Chi phí bán hàng**

Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

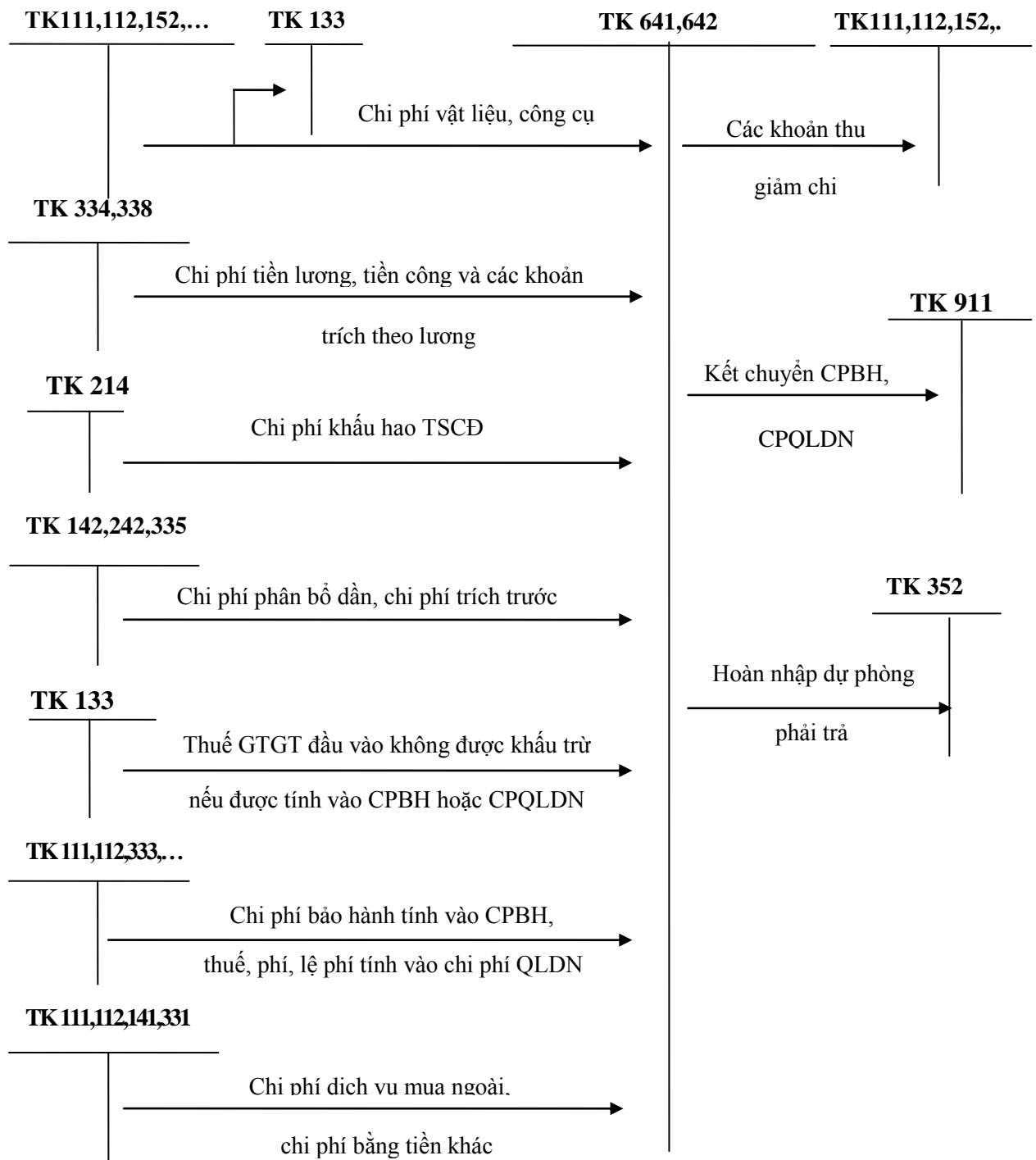
- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Các chi phí khác bằng tiền.

❖ **TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426 - Chi phí dự phòng
- TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác

❖ Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.4 - Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.4.2. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

✓ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng

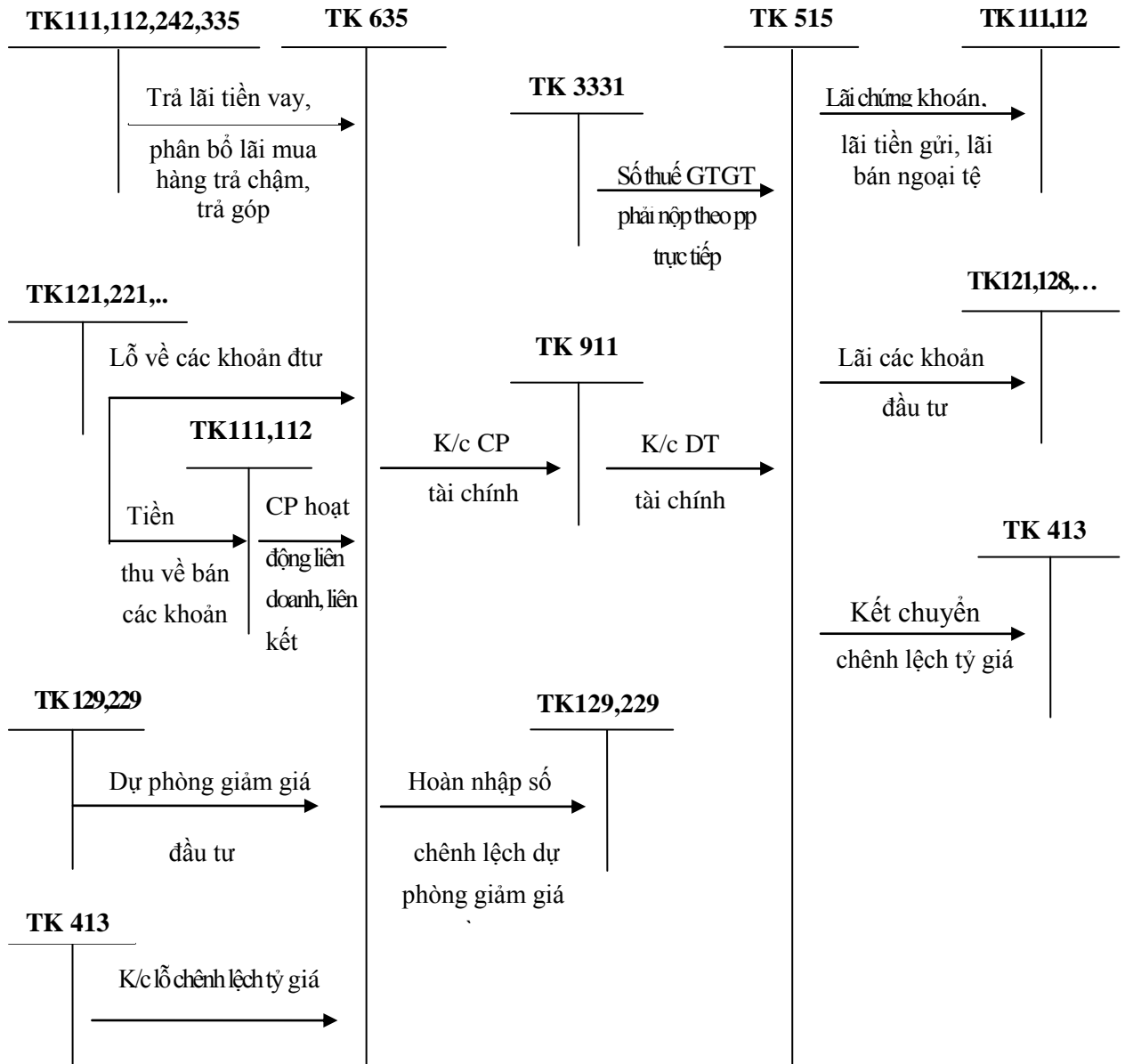
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

✓ **Tài khoản sử dụng**

❖ **Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính**

❖ **Tài khoản 635: Chi phí tài chính**

✓ **Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.5 - Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.4.3. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

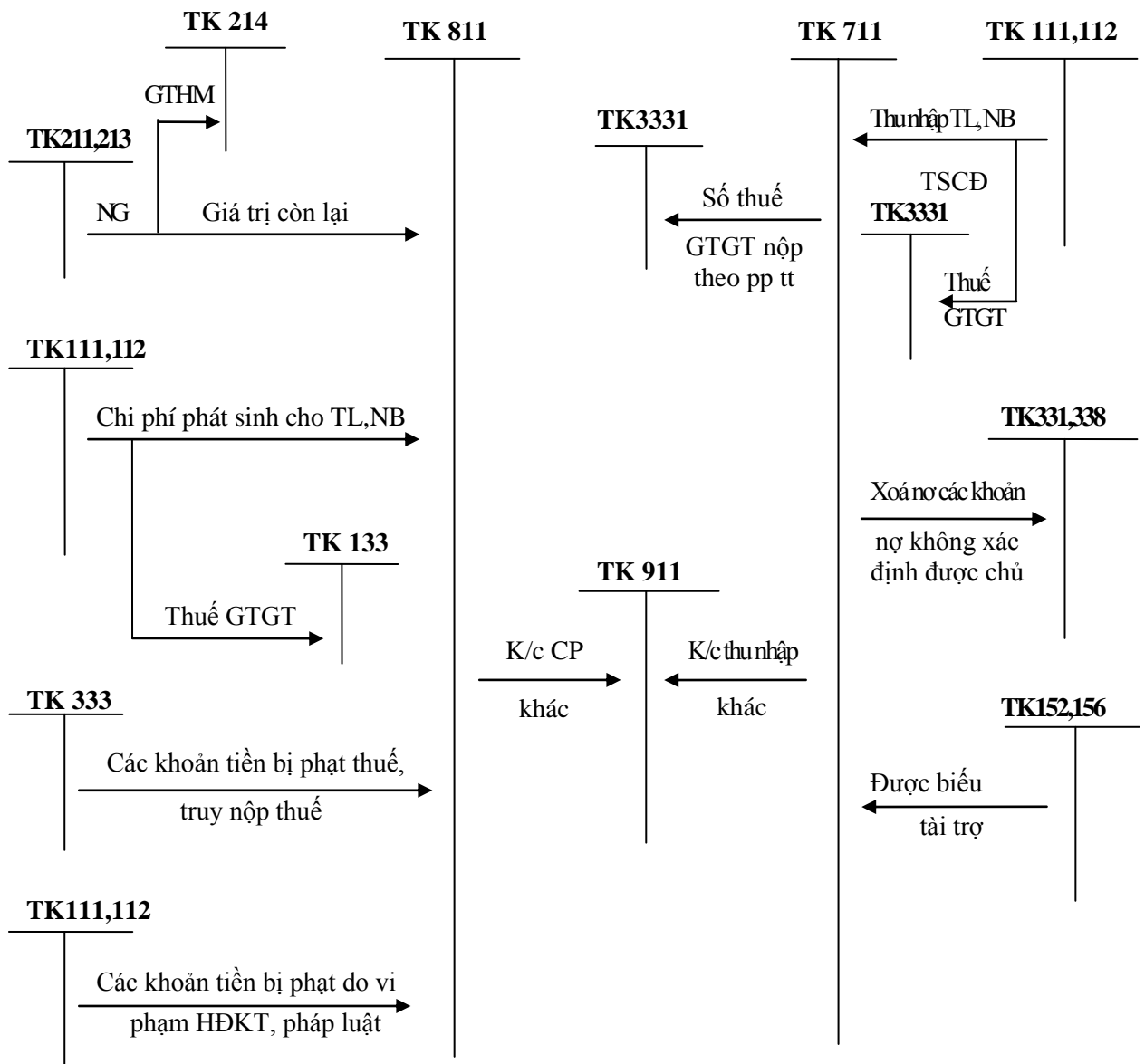
✓ *Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan

❖ **Tài khoản 711: Thu nhập khác**

❖ **Tài khoản 811: Chi phí khác**

✓ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6 - Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.4.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.4.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

✓ *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan

✓ *Tài khoản sử dụng*

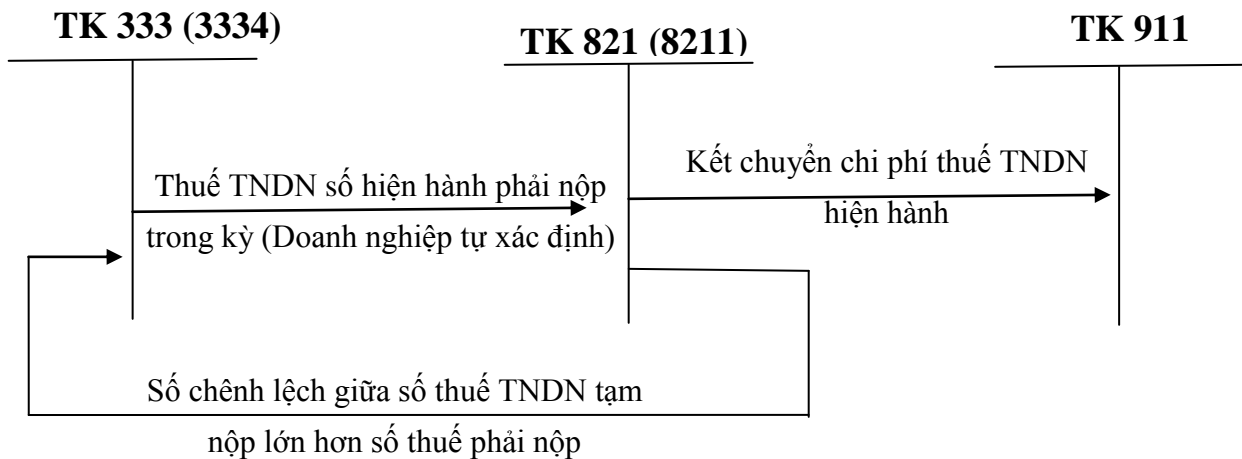
❖ **Tài khoản 821: “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”**

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp 2:

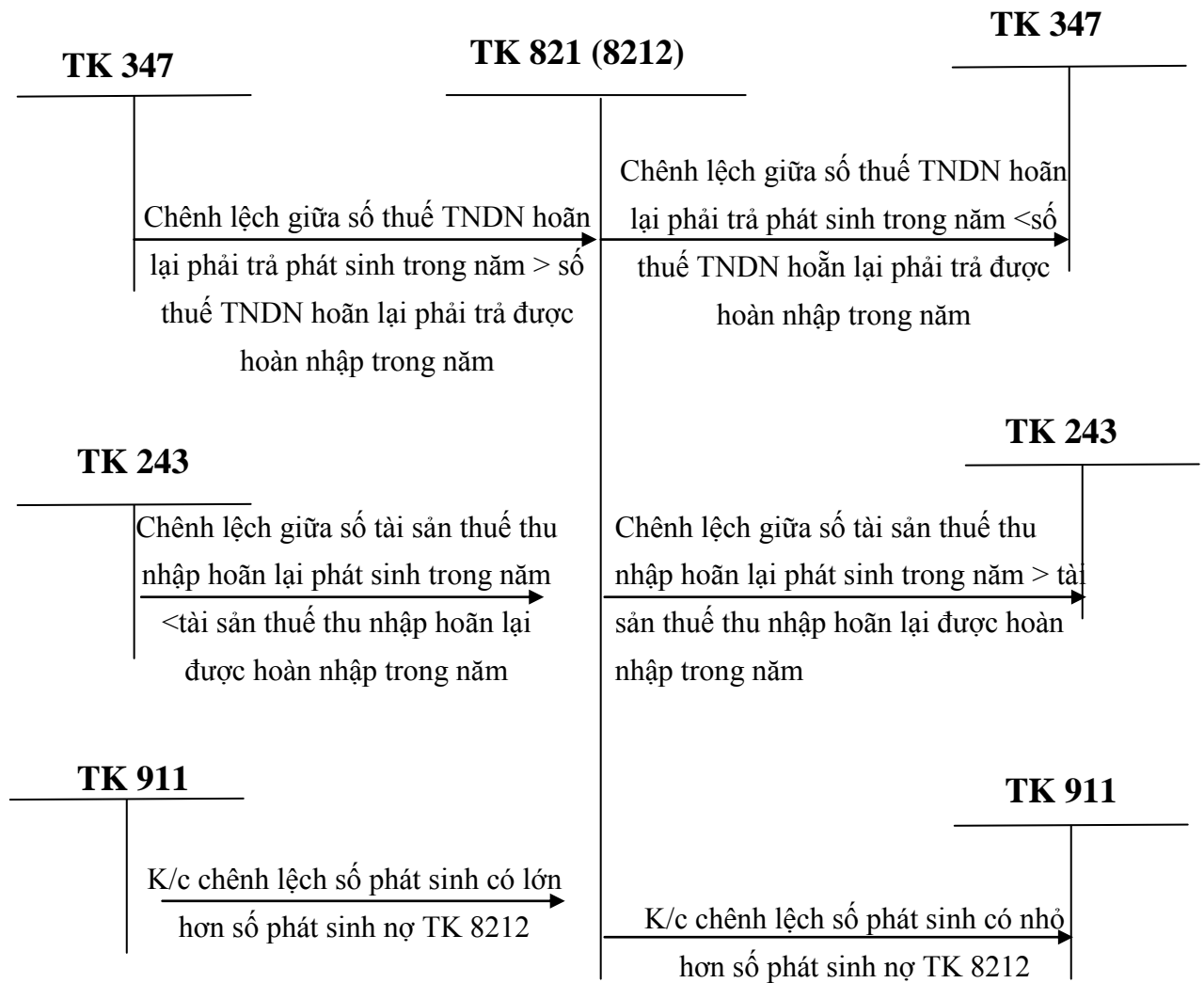
- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
- Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

✓ *Phương pháp hạch toán*

Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



1.4.4.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

✓ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

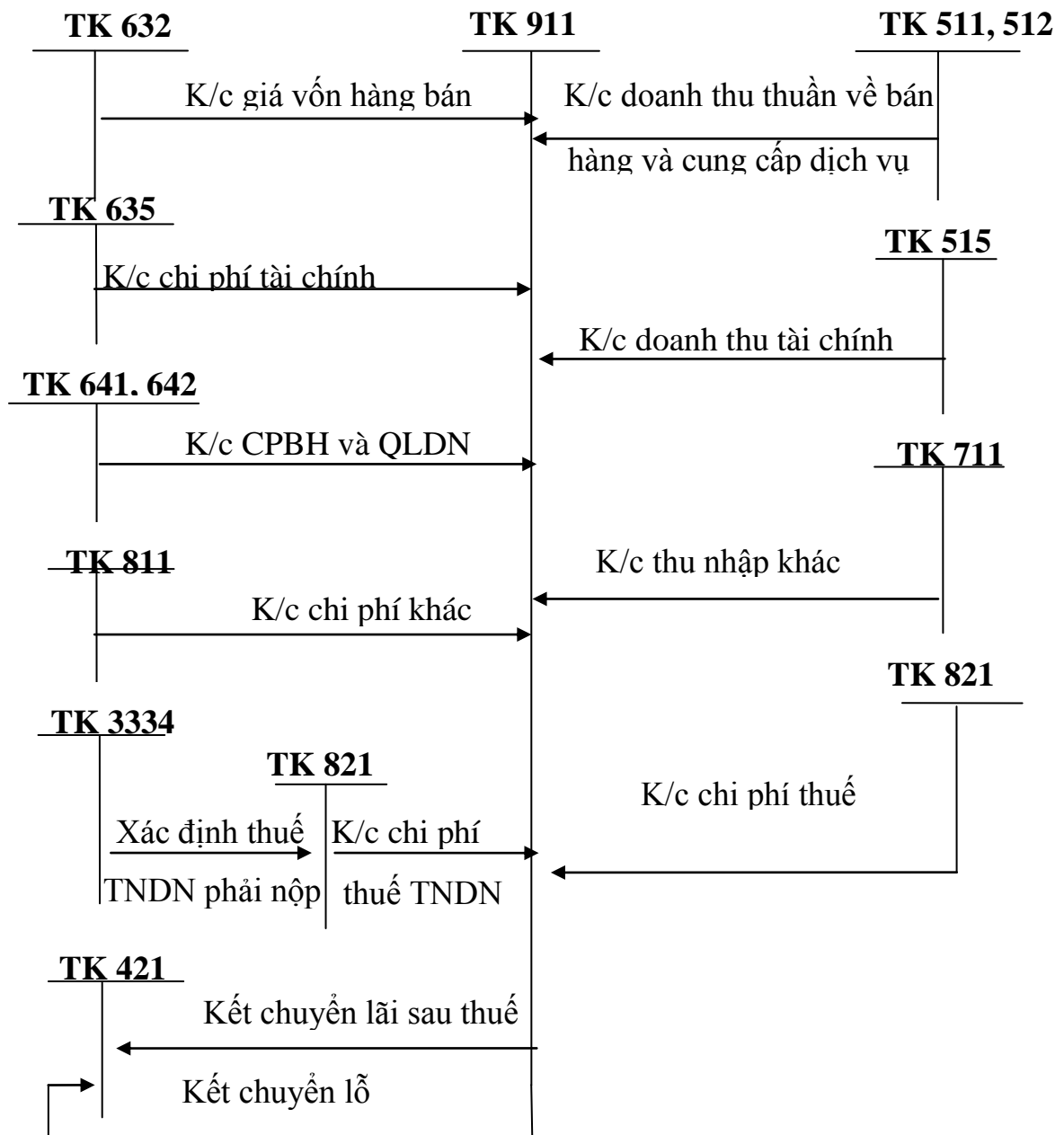
✓ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối

✓ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.9: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



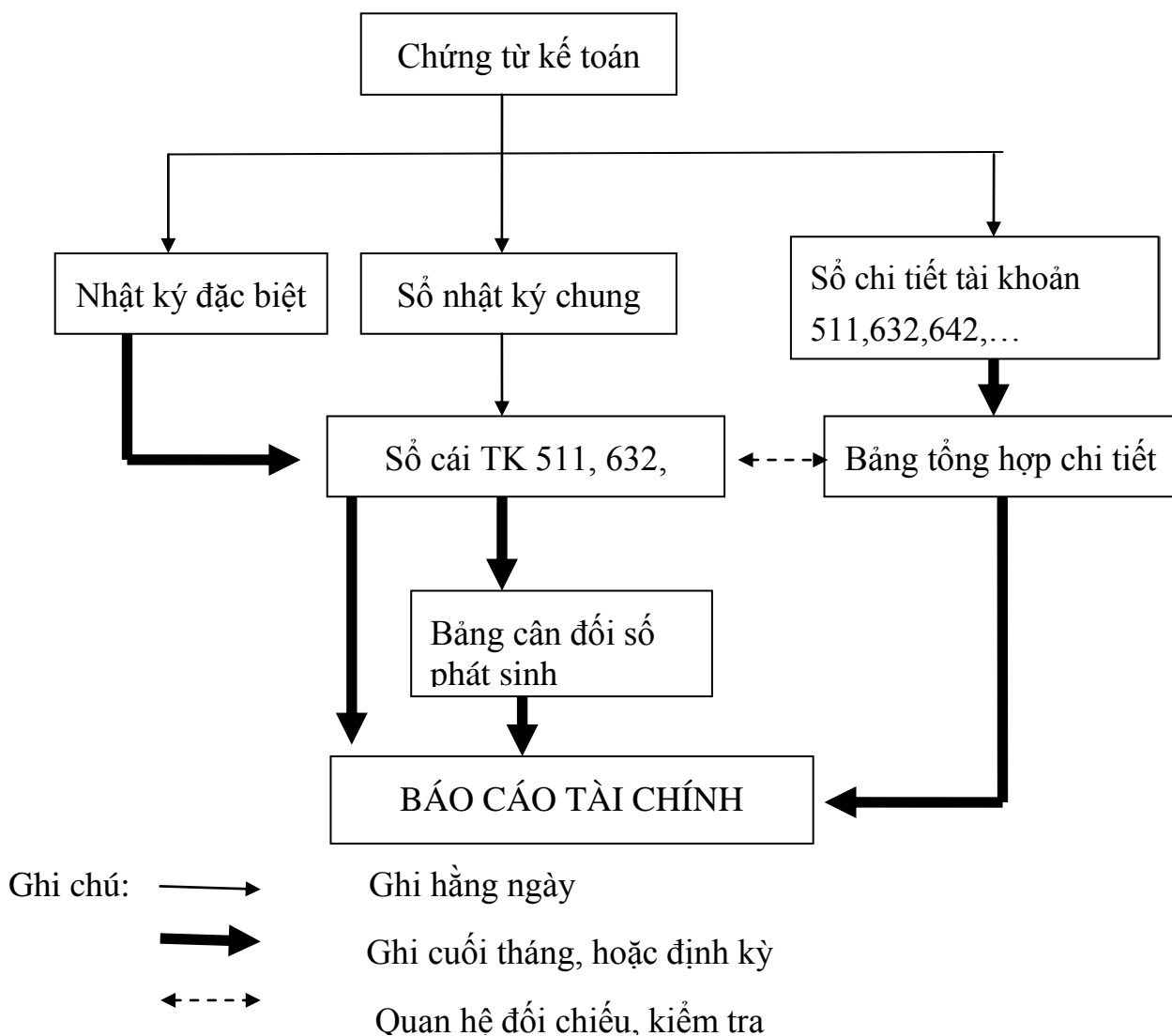
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Hình thức kế toán nhật ký chung

* **Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu của các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

* **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật kí đặc biệt, sổ cái, các sổ và thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH

2.1. Khái quát chung về Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh

Tên giao dịch quốc tế: **Phuc Thinh construction and tranGBCortation stock company**

Trụ sở chính: thôn Nãi Sơn - xã Tú Sơn - huyện Kiến Thụy - thành phố Hải Phòng.

Loại hình công ty: Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh

Vốn điều lệ: 9.500.000.000 đồng

Mã số thuế: 0200611912

Điện thoại: (0313) 560 463

Fax: 0313 560 463

Tài khoản ngân hàng: 102010000289539 tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Đồ Sơn.

Nền kinh tế nước ta ngày càng phát triển, nhu cầu đời sống của nhân dân càng cao. Từ thành phố đến nông thôn nơi nào cũng có nhu cầu xây dựng nhà cửa, trường học, đường xá, khu công nghiệp, khu vui chơi giải trí. Để đáp ứng nhu cầu đó, công ty cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh ra đời, xây cho xã hội những công trình khang trang, bền đẹp.

Công ty Cổ phần xây dựng - vận tải Phúc Thịnh được thành lập ngày 10/09/2004 theo quyết định thành lập doanh nghiệp số 0245763 QĐ/TLĐN của sở kế hoạch và đầu tư.

Với quy mô hoạt động trong toàn thành phố Hải Phòng và một số tỉnh lân cận, công ty có trụ sở làm việc, có một đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề có trách nhiệm công ty không ngừng phát triển đi lên và có vị trí nhất định trên thị trường

Từ năm 2004 - 2013. công ty đã xây dựng. bàn giao và đưa vào sử dụng nhiều công trình trong khu vực lân cận như: Mương tiêu thoát nước nội đồng xã Tú Sơn, xây dựng nhà văn hóa thôn Việt Tiến, nhà truyền thống của UBND xã Tú Sơn, xây nhà tập thể cán bộ giáo viên cho trường THCS Tú Sơn, xây dựng nhà tập cho trường THPT Nguyễn Đức Cảnh.....

Có được kết quả đó là nhờ sự lãnh đạo của ban lãnh đạo công ty, sự nỗ lực hết mình của cán bộ công nhân viên trong toàn công ty, đoàn kết hỗ trợ nhau hoàn thành tốt công việc được giao. Các cơ quan chức năng đã tạo điều kiện thuận lợi tại các nơi công trình thi công.

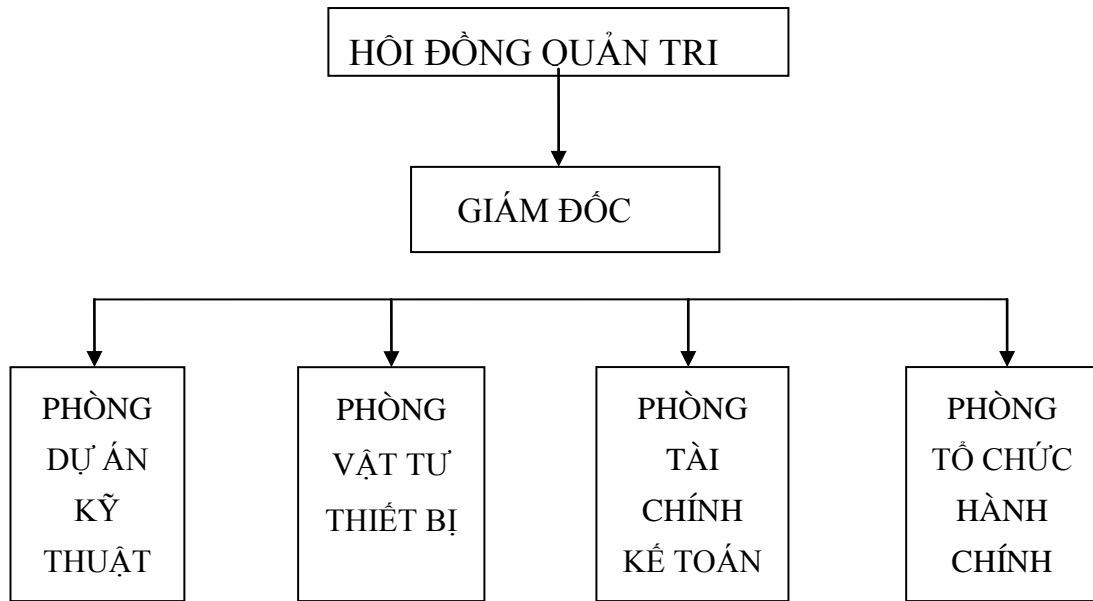
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh

- Tư vấn đầu tư xây dựng và nhận thầu thi công công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, công trình giao thông (gồm công trình cầu, đường, cống), công trình hạ tầng, san lấp mặt bằng.

- Bán vật liệu xây dựng
- Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hóa thủy, bộ.
- Tư vấn và giới thiệu việc làm.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng và được khái quát bằng sơ đồ 2.1



Sơ đồ 2.1 – Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh

** Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận:*

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý của công ty. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty, quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền, quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

- Giám đốc: là người lãnh đạo cao nhất trong Công ty, là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và trước pháp luật về quản lý con người, tài sản và tổ chức sản xuất kinh doanh. Quyết định của Giám đốc là cao nhất, các đơn vị có trách nhiệm thực hiện và báo cáo kết quả.

- Phòng Tổ chức – Hành chính: quản lý nguồn nhân lực, soạn thảo các văn bản về đối nội, đối ngoại, kiểm soát các giấy tờ lưu chuyển trong Công ty. Cung cấp các thiết bị văn phòng, xây dựng hệ thống thông tin, chịu trách nhiệm các vấn đề hành chính, đối nội, đối ngoại.

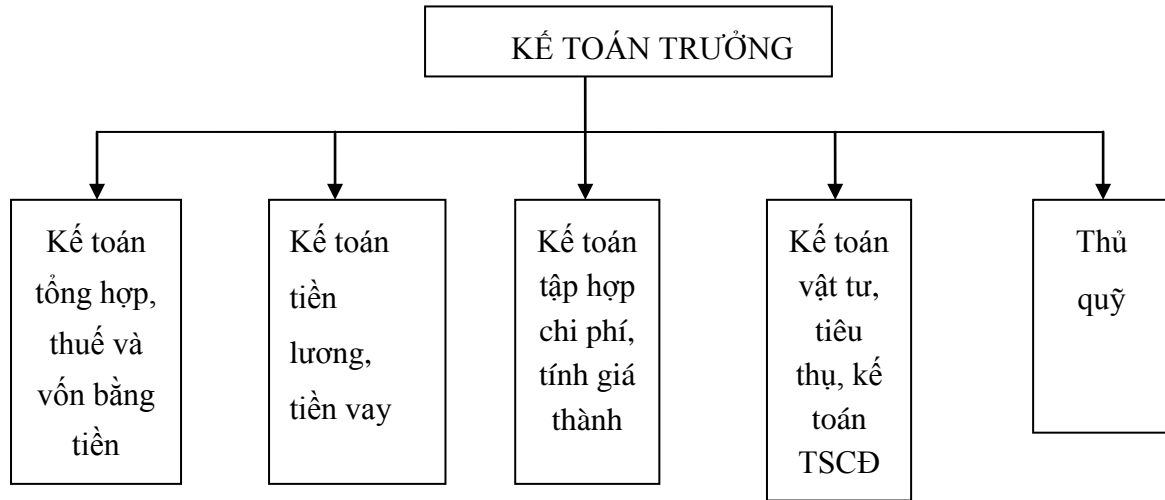
- Phòng Tài chính - Kế toán: quản lý hạch toán kinh doanh và quản lý tài chính, lập và theo dõi kế hoạch tài chính, phân tích hoạt động. Quản lý vốn, thanh toán các khoản với Nhà nước, thực hiện đúng chế độ kế toán.

- Phòng Dự án - Kỹ thuật: nắm bắt thông tin về các công trình để tham gia đấu thầu, lập hồ sơ dự thầu, kiểm tra, chỉ đạo công tác kỹ thuật thi công, giám sát và nghiệm thu công trình.

- Phòng Vật tư thiết bị: là phòng nghiệp vụ tham mưu giúp Giám đốc quản lý định mức nguyên liệu, vật tư cho các công trình xây dựng.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.



Sơ đồ 2.2 - Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung

- Kế toán trưởng: phụ trách chung toàn bộ công tác kế toán.
- Kế toán tổng hợp kiêm kế toán vốn bằng tiền và kế toán thuế: phụ trách hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, tổng hợp các nghiệp vụ báo cáo thuế.
- Kế toán tiền lương, tiền vay: theo dõi và tính lương, phụ trách các khoản vay, kế hoạch vay và trả nợ.
- Thủ quỹ: quản lý tiền mặt tại quỹ, theo dõi việc xuất - nhập tiền mặt.
- Kế toán vật tư, tiêu thụ kiêm kế toán TSCĐ: theo dõi vật tư các công trình xây dựng, hạch toán bàn giao công trình, phụ trách theo dõi biến động tăng, giảm TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao.
- Kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành: tập hợp chi phí xây dựng các công trình, xác định giá thành.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách, chế độ kế toán áp dụng tại công ty cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh

➤ Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)

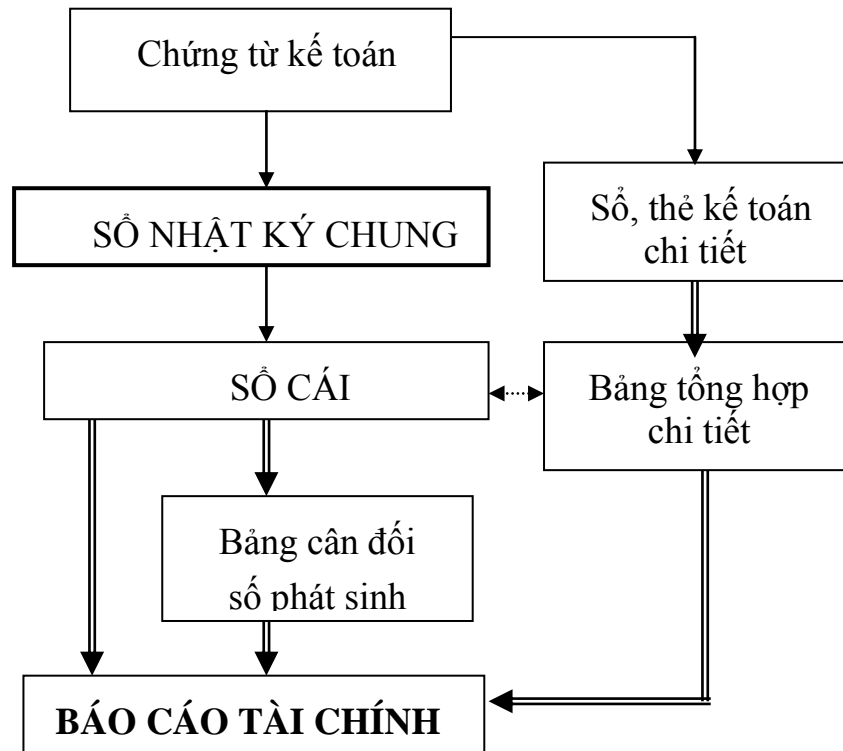
Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ Tài chính được sửa đổi bổ sung theo thông tư 244 ngày 31 tháng 12 năm 2013.

– Nguyên tắc ghi nhận và tính khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính.

– Công ty thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế

- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn
- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch, kỳ kế toán được quy định là một năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.
- Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh áp dụng hình thức kế toán Nhật kí chung

Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật kí chung được khái quát bằng sơ đồ 2.3



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: *Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung*

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối kỳ cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính. Về Nguyên tắc tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ kế toán.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

- Phương thức bán hàng: Bán hàng trực tiếp.
- Hình thức thanh toán : Tiền mặt và chuyển khoản.

➤ **Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

** Chứng từ sử dụng*

- Hoá đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu
- Giấy báo có và Sổ phụ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

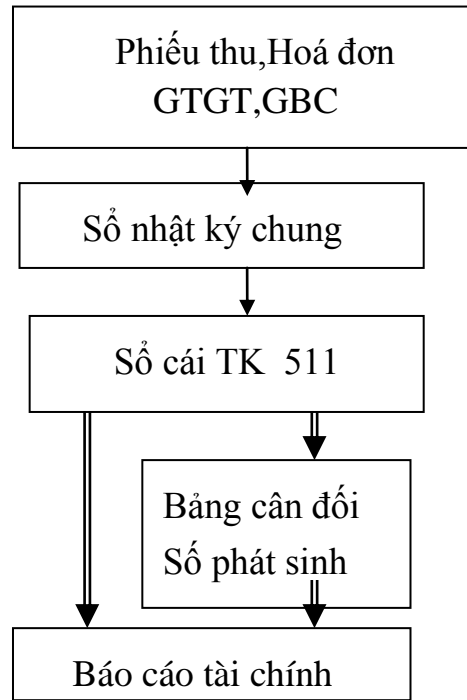
** Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản cấp 2 :

- TK 5111 : Doanh thu xây lắp
- TK 5112 : Doanh thu bán vật liệu xây dựng

- **Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ vào Hóa đơn giá trị gia tăng, chứng từ thanh toán kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái. Từ sổ cái ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm từ bảng cân đối số phát sinh và sổ cái lập báo cáo tài chính.

➤ **Ví dụ minh họa.**

Ngày 21/12/2013, kế toán ghi nhận doanh thu công trình xây dựng nhà ăn trường mầm non Tú Sơn theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000068.

- Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0000068 (Biểu số 2.1), GBC của Ngân hàng công thương Đồ Sơn (Biểu số 2.2), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.3), từ sổ nhật ký chung ghi vào sổ Cái TK 511 (Biểu 2.4). Từ sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, cuối năm từ bảng cân đối số phát sinh và sổ cái lập báo cáo tài chính.

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>Liên 3: Nội bộ</i> <i>Ngày 21 tháng 12 năm 2013</i></p>			<p>Mẫu số GTKT3/001 Ký hiệu: AA/13P Số: 0000068</p>		
<p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH Mã số thuế: 0200611912 Địa chỉ: Xã Tú Sơn, Huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng Điện thoại: 031.3560463 Fax: Số tài khoản:</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Trường Mầm non Tú Sơn Mã số thuế: Địa chỉ: Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK số tài khoản:</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Công trình nhà ăn trường mầm non Tú Sơn				493.963.636
Cộng tiền hàng:					493 963 636
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			49.396.364
Tổng cộng tiền thanh toán:					543 350 000
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm bốn mươi ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn					
<p>Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i></p>		<p>Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i></p>		<p>Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i></p>	
<p><i>(cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i></p>					

Biểu số 2.1 – Hóa đơn GTGT số 0000068

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

Mã GDV

Chi nhánh Đồ Sơn

Mã KH: 10563

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 21/12/2013

Kính gửi: Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có : 102010000289539

Số tiền bằng số: 543.350.000 đ

Số tiền bằng chữ: Năm trăm bốn ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng

Nội dung: Thu tiền công trình nhà ăn trường mầm non Tú Sơn

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Biểu số 2.2 – Giấy báo Có

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Tú Sơn-Kiến Thụy –Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang	
16/12	PC18 /12	Mua xi măng của CT CPVLXD Hải Linh	152 133 111	10.980.500 1.098.050	12.078.550
17/2	PC19 /12	Mua gạch của công ty Thiên An	152 133 111	10.589.300 1.058.930	11.648.230
				
21/12	HD 0000 068	Công trình nhà ăn trường mầm non Tú Sơn	112 5111 3331	543.350.000	493.963.636 49.396.364
				
		Cộng cuối kỳ		116.267.834.200	116.267.834.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3: Sổ Nhật kí chung

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TÀI PHÚC THỊNH
 Tú Sơn-Kiên Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng theo hình thức kế toán Nhật kí chung)

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
	
HD0000 066	21/12	Nâng cấp vỉa hè xã Tú Sơn	131		290.909.091
HD0000 067	21/12	Nâng cấp hệ thống kênh mương của xã Đoàn Xá	131		315.454.545
HD0000 068	21/12	Công trình nhà ăn trường mầm non Tú Sơn	112		493.963.636
....
PKT 61	31/12	K/C doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	12.121.924.547	
		Cộng phát sinh		12.121.924.547	12.121.924.547
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Biểu số 2.4 - Sổ cái TK 511

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

➤ Phương pháp tính giá vốn hàng bán

- Đối với giá vốn xây lắp: Cuối kỳ, kế toán sử dụng phiếu kế toán để ghi số liệu kết chuyển từ tài khoản 154 sang tài khoản 632 để xác định giá vốn hoạt động xây lắp.

- Đối với giá vốn bán vật liệu xây dựng: Kế toán sử dụng phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán là phương pháp bình quân liên hoàn.

✓ **Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

Chứng từ sử dụng

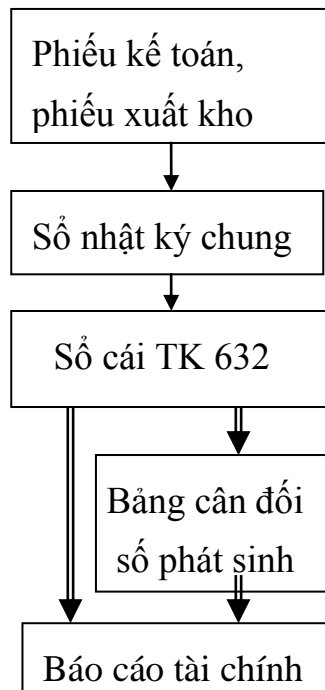
- Phiếu kế toán, phiếu xuất kho.

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632: “Giá vốn hàng bán”

- 6321: Giá vốn xây lắp

- 6322: Giá vốn bán vật liệu xây dựng

✓ **Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.**



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối kỳ

Căn cứ vào phiếu kế toán, phiếu xuất kho ghi nhận giá vốn hàng bán kế toán ghi vào sổ nhật kí chung, từ sổ nhật kí chung ghi vào sổ cái tài khoản 632. Từ sổ cái tài khoản 632 ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Cuối kỳ từ sổ cái và bảng cân đối phát sinh lập báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa.

Vào ngày 31/12 kế toán lập phiếu kế toán xác định giá vốn hoạt động xây lắp căn cứ vào số liệu kết chuyển từ tài khoản 154 sang tài khoản 632.

Kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán số 56 (*Biểu số 2.6*). Từ số liệu trên phiếu kế toán, kế toán ghi vào Sổ nhật kí chung (*Biểu số 2.7*), từ sổ nhật kí chung kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (*Biểu số 2.8*). Từ sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH

Mẫu số S03b-DN

Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Dùng theo hình thức kế toán Nhật kí chung)

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Tài khoản: 154-Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/tr	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		567.334.500	
		Số phát sinh trong kỳ			
21/12	PKT47	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp	621	3.600.020.344	
		Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	622	2.835.560.000	
		Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công	623	620.010.500	
		Kết chuyển chi phí sản xuất chung	627	2.188.847.161	
31/12	PKT54	Kết chuyển CPSXKDDD	6321		8.867.306.495
		Cộng số phát sinh		9.244.438.005	8.867.306.495
		Số dư cuối kỳ		944.466.100	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5–Sổ cái tài khoản 154

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số:54

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Nợ	Có
Xác định giá vốn hoạt động xây lắp	6321		8.867.306.495	
	154			8.867.306.495
Cộng			8.867.306.495	8.867.306.495

Bằng chữ: Tám tỉ tám trăm sáu bảy triệu ba trăm linh sáu nghìn bốn trăm chín năm đồng.

Biểu số 2.6–Phiếu kế toán số 54

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Tú Sơn-Kiến Thụy –Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang	
16/12	PC18/ 12	Mua xi măng của CT CPVLXD Hải Linh	152 133 111	10.980.500 1.098.050	12.078.550
17/12	PC19/ 12	Mua gạch của công ty Thiên An	152 133 111	10.589.300 1.058.930	11.648.230
	
31/12	HĐ 00000 68	Công trình nhà ăn trường mầm non Tú Sơn	112 5111 3331	543.350.000	493.963.636 49.396.364
31/12	PKT54	Giá vốn hoạt động xây lắp	6321 154	8.867.306.495	8.867.306.495
...
		Cộng số dư cuối kỳ		116.267.834.200	116.267.834.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7–Sổ nhật kí chung

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TÀI PHÚC THỊNH

Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

(Dùng theo hình thức kế toán Nhật ký chung)

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
...
31/12	PKT54	Giá vốn hoạt động xây lắp	154	8.867.306.495	
31/12	PKT62	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		10.100.772.495
		Cộng số phát sinh		10.100.772.495	10.100.772.495
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)*Biểu số 2.8–Sổ cái tài khoản 632*

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

➤ *Nội dung của chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.*

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh bao gồm:

+ Chi phí văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài như điện nước, điện thoại, internet và các chi phí bằng tiền khác như chi phí chi hội nghị, tiếp khách,...

+ Lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp.

➤ Chứng từ và tài khoản sử dụng.

* Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng thông thường

- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ

- Phiếu chi

- Bảng thanh toán lương

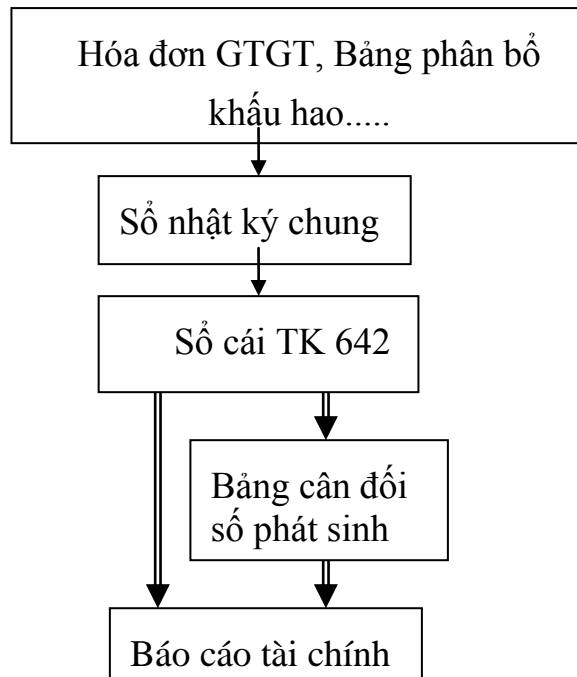
- Giấy báo nợ của Ngân hàng

- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng.

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, ...kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật kí chung để ghi vào sổ cái tài khoản 642. Từ sổ cái ghi vào Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa.

Ngày 19/2/2013, Mua văn phòng phẩm công ty TNHH Thanh Lan, thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0005134 (*Biểu số 2.9*) kế toán tiến hành lập Phiếu chi số 21/12 (*Biểu số 2.10*). Từ phiếu chi và HĐGTGT kế toán vào sổ Nhật kí chung (*Biểu số 2.11*), từ sổ nhật kí chung ghi vào sổ cái TK 642(*Biểu số 2.12*). Từ sổ cái ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm từ bảng cân đối số phát sinh và sổ cái tài khoản 642 lập báo cáo tài chính.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số 01 GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Kí hiệu: AA/13P		
<i>Liên 2: Giao cho khách hàng</i>			Số: 0005134		
<i>Ngày 19 tháng 12 năm 2013</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thanh Lan					
Địa chỉ: Xã Đại Hợp, Kiến Thụy, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:			MS: 0200493899		
Họ tên người mua hàng: Phạm Hải Nam					
Tên đơn vị: Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh					
Địa chỉ: Tú Sơn – Kiến Thụy – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Bút bi Thiên Long	Hộp	5	27.000	135.000
2	Giấy in a4 ik plus	gram	3	70.000	210.000
Cộng tiền hàng:					345.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		34.500	
Tổng cộng tiền thanh toán:					379.500
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm bảy chín nghìn năm trăm đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.9 – Hoá đơn GTGT số 0005134

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẠN TÀI PHÚC THỊNH
Tú Sơn-Kiến Thụy –Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20.3.2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày: 19/12/2013

Số : 21/12
Nợ : 642,133
Có : 111

Người nhận tiền: Nguyễn Hải Nam

Địa chỉ: Phòng tài chính- kế toán

Lý do chi: Mua văn phòng phẩm

Số tiền: 379.500 đồng (**Bằng chữ**) :Ba trăm bảy chín nghìn năm trăm VND

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 19 tháng 12 năm 2013

Giám đốc

Ký, họ tên,

đóng dấu

Kế toán trưởng

Ký, họ tên

Người nhận

Ký, họ tên

Người lập

Ký, họ tên

Biểu số 2.10 Phiếu chi số 21/12

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang	
16/12	PC18/12	Mua xi măng của CT CPVLXD Hải Linh	152 133 111	10.980.500 1.098.050	12.078.550
17/12	PC19/12	Mua gạch của công ty Thiên An	152 133 111	10.589.300 1.058.930	11.648.230
				
19/2	PC21/12	Mua văn phòng phẩm	642 133 111	345.000 34.500	379.500
31/12	HĐ 00000 68	Công trình nhà ăn trường mầm non Tú Sơn	112 5111 3331	543.350.000	493.963.636 49.396.364
....
		Cộng cuối kỳ		116.267.834.200	116.267.834.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11-Sổ nhật kí chung

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Tú Sơn-Kiến Thụy –Hải Phòng

Mẫu số S02b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
19/12/13	PC21/12	Mua văn phòng phẩm	111	345.000	
19/12/13	PC22/12	Thanh toán tiền tiếp khách	111	3.783.993	
20/12/13	PC23/12	Thanh toán tiền thuê xe ô tô cán bộ đi công tác	111	1.567.000	
.....
31/12/13	PKT63	Kết chuyển CPQLDN	911		898.559.803
		Cộng số phát sinh		898.559.803	898.559.803
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.12 – Sổ cái tài khoản 642

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

➤ **Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.**

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

➤ **Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

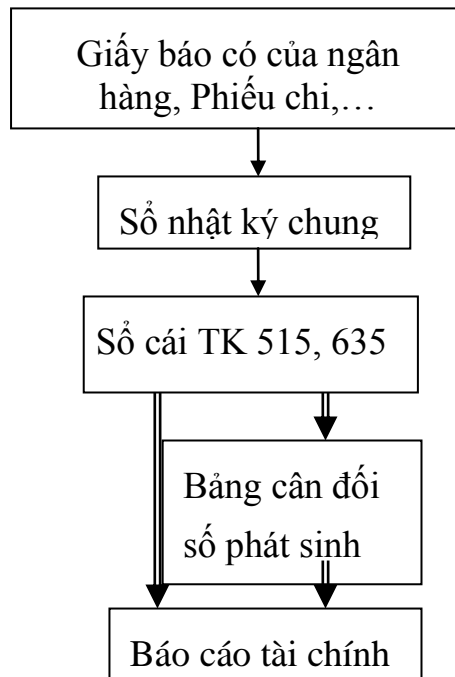
Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng
- Sổ phụ của Ngân hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng.

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

➤ **Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.**



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo có, giấy báo Nợ của Ngân hàng, Phiếu chi,... kế toán tiến hành ghi số liệu vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật kí chung để ghi vào sổ Cái tài khoản

515,635. Từ sổ cái ghi vào bảng cân đối sổ phát sinh, cuối năm từ bảng cân đối sổ phát sinh và sổ cái lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa.

Ví dụ 1: Ngày 31/12/2013, Ngân hàng công thương chi nhánh Đồ Sơn trả lãi tiền gửi tháng 12, số tiền 1.699.334 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo có của Ngân hàng công thương chi nhánh Đồ Sơn (Biểu số 2.13), kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.14) sổ cái TK515 (Biểu số 2.15). Từ sổ cái TK 515 lập Bảng cân đối sổ phát sinh. Cuối năm từ bảng cân đối sổ phát sinh và sổ cái tài khoản 515 lập báo cáo tài chính.

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG	Mã GDV
Chi nhánh Đồ Sơn	Mã KH: 10563
GIẤY BÁO CÓ	
Ngày 31/12/2013	
Kính gửi: Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh	
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi có Tài khoản của quý khách với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi có:	102010000289539
Số tiền bằng số:	1.699.334 đ
Số tiền bằng chữ:	Một triệu sáu trăm chín chín nghìn ba trăm ba tư đồng
Nội dung:	Lãi tiền gửi tháng 12
Giao dịch viên	Kiểm soát viên

Biểu số 2.13-Giấy báo có

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang	
16/12	PC18 /12	Mua xi măng của CT CPVLXD Hải Linh	152 133 111	10.980.500 1.098.050	12.078.550
17/12	PC19 /12	Mua gạch của công ty Thiên An	152 133 111	10.589.300 1.058.930	11.648.230
	
19/2	PC21 /12	Mua văn phòng phẩm	642 133 111	345.000 34.500	379.500
31/12	GBC	Lãi tiền gửi ngân hàng công thương chi nhánh Đồ Sơn tháng 12	112 515	1.699.334	1.699.334
	
		Cộng cuối kỳ		116.267.834.200	116.267.834.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.14-Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/tr	Số tiền	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
31/12	GBC	Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng thương mại CP Sài Gòn tháng 12	112		511.907
	
31/12	GBC	Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng công thương chi nhánh Đồ Sơn tháng 12	112		1.699.334
31/12	PKT64	K/c doanh thu HĐTC	911	42.073.259	
		Cộng số phát sinh		42.073.259	42.073.259
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15-Sổ cái tài khoản 515

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2013 nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng công thương chi nhánh Đồ Sơn về lãi vay tháng 12 năm 2013.

Căn cứ vào Giấy báo nợ (Biểu số 2.16), kê toán vào sổ Nhật kí chung (Biểu số 2.17), từ số liệu sổ nhật kí chung ghi vào sổ cái TK 635 (Biểu số 2.18) sau đó từ sổ Cái TK 635 lập bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và sổ cái tài khoản 635 lập báo cáo tài chính.

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG Chi nhánh Đồ Sơn	Mã GDV Mã KH: 10563
GIẤY BÁO NỢ	
Ngày 31/12/2013	
Kính gửi: Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh	
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi nợ Tài khoản của quý khách với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi nợ:	102010000289539
Số tiền bằng số:	14.025.000 đ
Số tiền bằng chữ:	Mười bốn triệu không trăm hai năm nghìn đồng
Nội dung:	Trả lãi tiền vay tháng 12/2013
Giao dịch viên	Kiểm soát viên

Biểu số 2.16-Giấy báo Nợ

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TÀI PHÚC THỊNH
Xã Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang	
16/12	PC18 /12	Mua xi măng của CT VLXD Hải Linh	152 133 111	10.980.500 1.098.050	12.078.550
17/12	PC19 /12	Mua gạch của công ty Thiên An	152 133 111	10.589.300 1.058.930	11.648.230
				
19/2	PC21 /12	Mua văn phòng phẩm	642 133 111	345.000 34.500	379.500
				
31/12	GBN	Trả lãi tiền vay tháng 12 NHCT CN Đồ Sơn	635 112	14.025.000	14.025.000
				
		Cộng cuối kỳ		116.267.834.200	116.267.834.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17-Sổ nhật kí chung

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Xã Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày tháng	Số hiệu			PS Nợ	PS Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
....
31/11	GBN	Trả lãi vay tháng 11 NHCT CN Đồ Sơn	112	15.000.000	
....	
31/12	GBN	Trả lãi vay tháng 12 NHCT CN Đồ Sơn	112	14.025.000	
31/12	PKT65	Kết chuyển chi phí TC	911		59.445.600
		Cộng số phát sinh		59.445.600	59.445.600
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18-Sổ cái tài khoản 635

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty CP XDVT Phúc Thịnh

Thu nhập khác và chi phí khác của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ .

➤ **Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

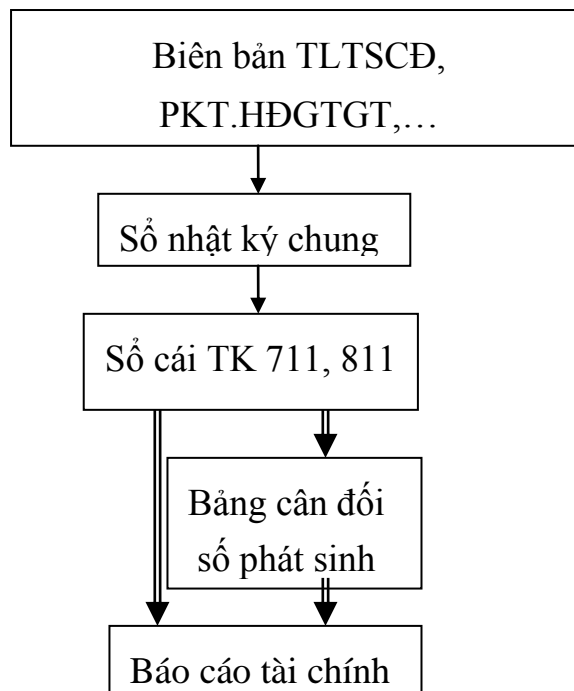
❖ Chứng từ sử dụng.

- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu kế toán
- Hóa đơn GTGT

❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác

➤ **Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.**



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán, kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật kí chung để ghi vào sổ

Cái tài khoản 711,811. Cuối năm từ sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 15/12/2013, Công ty tiến hành thanh lý máy đầm , nguyên giá 54.500.000, giá trị còn lại là 12.450.000, số tiền thu được là 11.489.500(đã bao gồm thuế GTGT10%) Công ty đã nhận bằng tiền mặt.

- Căn cứ vào Biên bản thanh lý TSCĐ (*Biểu số 2.19*), kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán số 51 (*Biểu số 2.20*). Từ phiếu kế toán ghi vào sổ nhật kí chung (*Biểu số 2.21*), từ sổ nhật kí chung ghi vào sổ cái TK 811(*Biểu số 2.22*)

- Từ Hóa đơn GTGT số 0000060 (*Biểu số 2.23*) ghi nhận số tiền thu được từ thanh lý kế toán tiến hành lập Phiếu thu số 25 (*Biểu số 2.24*). Từ phiếu thu ghi vào sổ nhật kí chung (*Biểu số 2.25*) , từ sổ nhật kí chung ghi vào sổ cái TK 711(*Biểu số 2.26*)

- Cuối tháng cộng sổ liệu trên sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh, Từ sổ Cái và Bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH

Mẫu số: 02-TSCĐ

Bộ phận: Phòng Tài chính - Kế toán

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Căn cứ Quyết định số 12/2013 ngày 15 tháng 12 năm 2013 của Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh về việc thanh lý TSCĐ.

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông/Bà: Bùi Thị Duyên Chức vụ: Phó Giám đốc - Trưởng ban
- Ông/Bà: Phạm Văn Nghi Chức vụ: Kế toán trưởng - Ủy viên
- Ông/Bà: Phạm Văn Tuyền Chức vụ: Nhân viên - Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Máy đầm Mikasa MT-72FW
- Số hiệu TSCĐ: TS0013
- Nước sản xuất: Nhật Bản
- Năm sản xuất: 2006
- Năm đưa vào sử dụng: 2006
- Nguyên giá TSCĐ: 54.500.000 đ
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 42.050.000đ
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 12.450.000đ

III. Kết luận của Ban thanh lý:

Quyết định thanh lý.

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Trưởng ban thanh lý

(Ký, ghi họ tên)

IV. Kết quả thanh lý:

- Chi phí thanh lý TSCĐ: 0 đồng
- Giá trị thu hồi : 11.489.500 đồng
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 15 tháng 12 năm 2013

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.19-Biên bản thanh lý TSCĐ

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH

Tú Sơn – Kiến Thụy – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Số: 51

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Thanh lý máy đầm	214		42.050.000	
	811		12.450.000	
	211			54.500.000
Cộng			54.500.000	54.500.000

Bằng chữ: Năm tư triệu năm trăm nghìn đồng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Ngày 15 tháng 12 năm 2013
Người lập biểu
(Ký, họ tên)*Biểu số 2.20- Phiếu kế toán số 51*

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Xã Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang	
15/12	PKT51	Thanh lý máy đầm	214 811 211	42.050.000 12.450.000	54.500.000
16/12	PC18/12	Mua xi măng của CT CPVLXD Hải Linh	152 133 111	10.980.500 1.098.050	12.078.550
17/12	PC19/12	Mua gạch của công ty Thiên An	152 133 111	10.589.300 1.058.930	11.648.230
	
19/2	PC21/12	Mua văn phòng phẩm	642 133 111	345.000 34.500	379.500
....
31/12	GBN	Trả lãi tiền vay tháng 12 NHCT CN Đồ Sơn	635 112	14.025.000	14.025.000
				
		Cộng cuối kỳ		116.267.834.200	116.267.834.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21-Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Tài khoản 811 - Chi phí khác

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
15/12	PKT51	Thanh lý máy đầm	211	12.450.000	
30/12	PKT66	K/chuyển chi phí khác	911		12.450.000
		Cộng số phát sinh		12.450.000	12.450.000
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.22-Sổ cái TK 811

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>Liên 3: Nội bộ</i> Ngày 15 tháng 12 năm 2013</p>			<p>Mẫu số GTKT3/001 Ký hiệu: AA/13P Số: 0000060</p>		
<p>Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH Mã số thuế: 0200611912 Địa chỉ: Tú Sơn – Kiến Thụy – Hải Phòng. Điện thoại: 031.3 560 463 Fax: Số tài khoản :</p>					
<p>Họ tên người mua hàng :Bùi Văn Khiết Tên đơn vị : Mã số thuế: Địa chỉ.:Đương Kinh- Hải Phòng Số tài khoản</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Máy đầm Mikasa MT-72FW	Chiếc	1	10.445.000	10.445.000
Cộng tiền hàng:					10.445.000
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		1.044.500	
Tổng cộng tiền thanh toán :					11.489.500
Số tiền viết bằng chữ: .Mười một triệu bốn trăm tám chín nghìn năm trăm đồng chẵn.					
<p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)</p>		<p>Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)</p>	
<p><i>Biểu số 2.23-Hóa đơn GTGT số 0000060</i></p>					

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH

Tú Sơn – Kiến Thụy – Hải Phòng

Mẫu số 01-TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Ngày: 15/12/2013

Số phiếu : 25/12

Nợ : 111

Có : 711,3331

Người nộp: Bùi Văn Khiết

Địa chỉ: Dương Kinh- Hải Phòng

Lý do thu: Thu từ thanh lý máy đầm

Số tiền: 11.489.500 đ

Bằng chữ: Mười một triệu bốn trăm tám chín nghìn năm trăm đồng

Kèm theo: 1 HĐGTGT số 0000060

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
Ký,họ tên, đóng dấu	Ký,họ tên	Ký,họ tên	Ký,họ tên	Ký,họ tên

Biểu số 2.24-Phiếu thu số 25/12

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Xã Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang	
15/12	PKT51	Thanh lý máy đàm	214 811 211	42.050.000 12.450.000	54.500.000
15/12	PT25/12	Thu từ thanh lý máy đàm	111 711 3331	11.489.500	10.445.000 1.044.500
16/12	PC18/12	Mua xi măng của CT CPVLXD Hải Linh	152 133 111	10.980.500 1.098.050	12.078.550
17/12	PC19/12	Mua gạch của công ty Thiên An	152 133 111	10.589.300 1.058.930	11.648.230
	
19/2	PC21/12	Mua văn phòng phẩm	642 133 111	345.000 34.500	379.500
.
		Cộng cuối kỳ		116.267.834.200	116.267.834.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25-Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 711 - Thu nhập khác

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
15/12	PT25/12	Thu từ thanh lý máy đảm	111		10.445.000
30/09	PKT 67	K/chuyển thu nhập khác	911	10.445.000	
		Cộng số phát sinh		10.445.000	10.445.000
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26-Sổ cái TK 711

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

Cuối kỳ kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác sang Tài khoản 911. Đồng thời, kế toán xác định thuế TNDN phải nộp, kết chuyển lãi lỗ.

➤ **Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

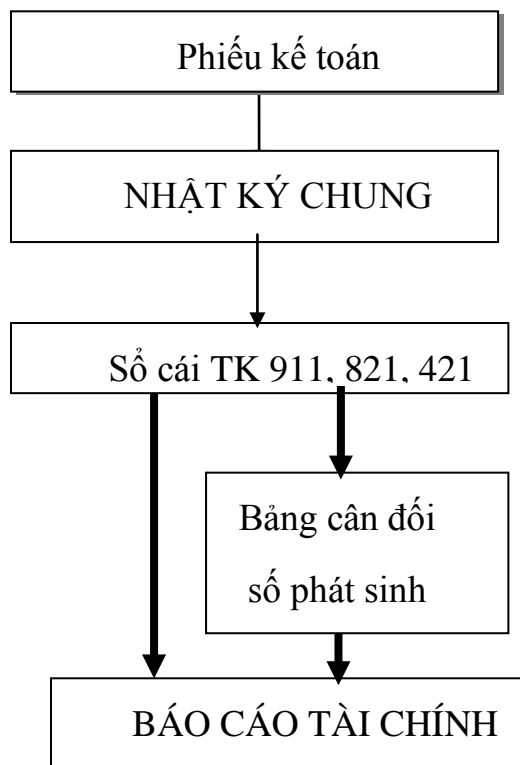
❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh
- TK 8211- Chi phí thuế TNDN hiện hành
- Tk 3334-Thuế TNDN
- TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

➤ **Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.**



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

————→ Ghi cuối kỳ

Căn cứ vào các phiếu kế toán, kế toán ghi vào nhật kí chung, căn cứ vào số liệu nhật kí chung ghi vào sổ cái vào sổ Cái TK 911,821,421. Từ sổ cái tài khoản 911,821,421 kế toán ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa.

Xác định kết quả kinh doanh năm 2013

Ngày 31/12/2013 kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định thuế TNDN phải nộp và kết chuyển lãi.

Căn cứ vào các phiếu kế toán, kế toán ghi vào sổ nhật kí chung (*Biểu số 2.27*), căn cứ vào sổ nhật kí chung ghi vào sổ cái TK 911 (*Biểu số 2.28*), sổ cái TK 421 (*Biểu số 2.29*). Từ sổ cái TK 911,421 kế toán ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 61

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cc dịch vụ	511		12.121.924.547	
	911			12.121.924.547
Cộng			12.121.924.547	12.121.924.547

NGƯỜI LẬP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 62

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển giá vốn	911		10.100.772.495	
	632			10.100.772.495
Cộng			10.100.772.495	10.100.772.495

NGƯỜI LẬP

PHIẾU KẾ TOÁN**Số 63**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển chi phí quản lý	911		898.559.803	
doanh nghiệp	642			898.559.803
Cộng			898.559.803	898.559.803

NGƯỜI LẬP**PHIẾU KẾ TOÁN****Số 64**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển doanh thu từ	515		42.073.259	
hoạt động tài chính	911			42.073.259
Cộng			42.073.259	42.073.259

NGƯỜI LẬP**PHIẾU KẾ TOÁN****Số 65**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển chi phí tài chính	911		59.445.600	
	635			59.445.600
Cộng			59.445.600	59.445.600

NGƯỜI LẬP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 66

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển chi phí khác	9111		12.450.000	
	811			12.450.000
Cộng			12.450.000	12.450.000

NGƯỜI LẬP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 67

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển thu nhập khác	711		10.445.000	
	911			10.445.000
Cộng			10.445.000	10.445.000

NGƯỜI LẬP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 68

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Xác định thuế TNDN phải nộp	821		276.806.227	
	3334			276.806.227
Cộng			276.806.227	276.806.227

NGƯỜI LẬP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 69

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển chi phí	911		276.806.227	
Thuế TNDN	821			276.806.227
Cộng			276.806.227	276.806.227

NGƯỜI LẬP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 70

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS nợ	PS có
Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911		830.418.681	
chưa phân phối	421			830.418.681
Cộng			830.418.681	830.418.681

NGƯỜI LẬP

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TÀI PHÚC THỊNH
Xã Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
31/12	PKT 61	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511	12.121.924.547	
				911		12.121.924.547
31/12	PKT 62	31/12	Kết chuyển giá vốn	911	10.100.772.495	
				632		10.100.772.495
31/12	PKT 63	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	898.559.803	
				642		898.559.803
31/12	PKT 64	31/12	Kết chuyển doanh thu từ hoạt động tài chính	515	42.073.259	
				911		42.073.259
31/12	PKT65	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	59.445.600	
				635		59.445.600
31/12	PKT 66	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911	12.450.000	
				811		12.450.000
31/12	PKT 67	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711	10.445.000	
				911		10.445.000
31/12	PKT 68	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	276.806.227	

				3334		276.806.227
31/12	PKT 69	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	276.806.227	
				821		276.806.227
31/12	PKT 70	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911	830.418.681	
				421		830.418.681
			Cộng		116.267.834.200	116.267.834.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)**Biểu số 2.27-Sổ nhật kí chung*

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Xã Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
PKT 61	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511		12.121.924.547
PKT 62	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	10.100.772.495	
PKT 63	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	898.559.803	
PKT 64	31/12	Kết chuyển doanh thu từ hoạt động tài chính	515		42.073.259
PKT65	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	59.445.600	
PKT 66	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	12.450.000	
PKT 67	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		10.445.000
PKT 69	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	821	276.806.227	
PKT 70	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	421	830.418.681	
		Cộng số phát sinh		12.174.442.806	12.174.442.806
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.28-Sổ cái TK 911

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Xã Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 421-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			534.665.700
		Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT70	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	911		830.418.681
		Cộng số phát sinh		0	830.418.681
		Số dư cuối kỳ			1.365.084.381

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.29-Sổ cái TK 911

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH****3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.****3.1.1.Đánh giá chung.**

Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh tuy là một doanh nghiệp thành lập chưa lâu nhưng luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Ngày nay, khi mà nền kinh tế thị trường ngày càng đa dạng với nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình Công ty, nhiều phương thức kinh doanh, sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt. Nếu các doanh nghiệp không thể thích nghi được với những điều kiện khắt khe đó sẽ có nguy cơ rơi vào tình trạng phá sản, giải thể. Để giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được, Công ty luôn đề ra những phương hướng, giải pháp thích hợp nhằm bắt kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Điều đó có được là do Công ty đã biết nắm bắt và phân tích đúng đắn nhu cầu thực tế.

Công ty luôn cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng phạm vi hoạt động, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên. Chính vì vậy, doanh thu hàng năm của Công ty tăng lên rõ rệt. Đó chủ yếu là do sự sáng tạo, năng động của Ban Giám đốc và sự đoàn kết đồng lòng của các cán bộ công nhân viên Công ty.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh, được tiếp nhận với thực tế tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại nhà trường. Qua đó, em xin phép được đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

3.1.2.Kết quả đạt được

3.1.2.1. Về bộ máy kế toán:

- Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, Công ty đã xây dựng bộ máy kế toán tại văn phòng Công ty, trong đó kế toán trưởng là người đứng đầu giám sát và quản lý mọi việc. Việc bố trí và xây dựng bộ máy kế toán như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát, hạch toán nhanh chóng, kịp thời của kế toán đối với các hoạt động phát sinh tại Công ty, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện cho đội ngũ kế toán nâng cao trình độ nghiệp vụ, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động.

- Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.

- Các kế toán được phân việc tương đối rõ ràng, đảm bảo sự thống nhất trong hạch toán nhưng không bị trùng lặp; đảm bảo việc kiểm tra, đối chiếu được dễ dàng, tránh sai sót; đảm bảo cung cấp những thông tin cần thiết, chính xác để giúp Ban lãnh đạo Công ty đánh giá tình hình hoạt động, từ đó đề ra những mục tiêu và kế hoạch thích hợp, phù hợp với nhu cầu thị trường.

3.1.2.2. Về hình thức kế toán:

Công ty hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức này hoàn toàn phù hợp với quy mô, tình hình hoạt động, yêu cầu quản lý và trình độ của đội ngũ kế toán của Công ty. Bên cạnh đó, hình thức này còn giúp cho đội ngũ kế toán phản ánh và theo dõi thường xuyên, chi tiết các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ kế toán một cách chính xác, đầy đủ.

3.1.2.3. Về chứng từ kế toán:

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ.

Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng kịp thời đúng qui định.

Các chứng từ sử dụng cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán.

Chứng từ sau khi được sử dụng cho việc hạch toán đều được lưu trữ cẩn thận theo từng bộ, từng khoản mục, từng công trình, trình tự thời gian, tạo điều kiện kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

3.1.2.4. Về việc vận dụng hệ thống tài khoản

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính đã được sửa đổi bổ sung theo thông tư 244 ngày 31 tháng 12 năm 2009. Bên cạnh đó Công ty cũng mở theo dõi chi tiết cho một số tài khoản theo đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống kê, theo dõi, kiểm tra và đối chiếu.

3.1.2.5. Về hệ thống sổ sách kế toán

Với việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung thì tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện đơn giản đồng thời vẫn đảm bảo được tính chính xác, đặc biệt với hình thức này sẽ thuận tiện cho việc áp dụng kế toán bằng phần mềm kế toán.

Hệ thống sổ sách mà công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hợp lý, đảm bảo tính khoa học, chính xác đồng thời đảm bảo tính đơn giản, dễ dàng thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các sổ có liên quan. Sổ sách kế toán được cất giữ và bảo quản cẩn thận qua từng năm

3.1.2.6. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, tổ chức hạch toán chi phí tại Công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.3. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, việc tổ chức kế toán tại Công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

3.1.3.1. Về tài khoản sử dụng

Hiện nay công ty chưa mở tài khoản cấp 2 cho tài khoản 642 nên khó theo dõi chi tiết chi phí từng yếu tố liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.1.3.2. Về sổ sách sử dụng

Công ty chưa mở sổ chi tiết tài khoản 511 nên khó có thể theo dõi doanh thu cho từng hoạt động.

- Hiện nay, công ty chưa mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 642 nên khó theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh liên quan.

3.1.3.3. Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi chi nhánh công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

3.1.3.4 Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp bán đã giảm trừ hoặc thanh toán cho người mua hàng do họ đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn. Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn thì sẽ không kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm chậm khả năng tiêu thụ hàng.

3.1.3.5. Xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động

Công ty chưa thực hiện việc xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, điều này gây khó khăn cho việc xác định hoạt động nào mang lại lợi nhuận lớn nhất cho doanh nghiệp, dẫn tới gây khó khăn cho việc quản lý, kiểm soát và ra quyết định của lãnh đạo doanh nghiệp.

3.1.3.6. Về qui trình luân chuyển chứng từ

Hiện nay công ty chưa có phiếu giao nhận chứng từ hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ dẫn tới việc mất mát hay bỏ sót khi giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không thể quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

3.1.3.7. Sử dụng phần mềm kế toán trong kế toán

Hiện nay Công ty đã áp dụng máy vi tính vào hạch toán kế toán, tuy nhiên hệ thống sổ sách và trình tự ghi sổ của Công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào mà mới chỉ xây dựng một số phần hành trên chương trình Excel, Word và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán Công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc, gây khó khăn và khó trong công tác quản lý, giám sát.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.**3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện:**

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt.

Nhà nước xây dựng và ban hành chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

3.2.2.1. Hoàn thiện tài khoản sử dụng

Công ty nên mở tài khoản cấp 2 cho TK 642, nội dung của các tiểu khoản này bao gồm:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

3.2.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách sử dụng

Công ty nên mở sổ chi tiết tài khoản 511, sau đây em xin đưa ra mẫu sổ như sau:

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Xã Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản :.....
Từ ngày:đến ngày.....

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
		Cộng số phát sinh			
		Số dư cuối kỳ			

Ngày Tháng Năm.....

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết tài khoản

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Xã Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 5111-Doanh thu xây lắp

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số tiền	
Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
...
21/12	HĐ00000 67	Nâng cấp hệ thống kênh mương của xã Đoàn Xá	131		315.454.545
21/12	HĐ00000 68	Công trình nhà ăn trường mầm non Tú Sơn	112		493.963.636
22/12	HĐ00000 69	Xây dựng nhà xe trường THCS Tú Sơn	131		159.090.909
...
		Cộng số phát sinh			
		Số dư cuối kỳ			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.2- Sổ chi tiết tài khoản 5111

* Công ty nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 642 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại công ty. Sau đây em xin đưa ra mẫu sổ như sau:

Đơn vị: CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH

Địa chỉ: Xã Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 632, 641, 642, 142, 242, 335)

Năm:

Tài khoản:

Tên phân xưởng (bộ phận):

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra						
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có							

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.3 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Xã Tú Sơn-Kiên Thụy-Hải Phòng

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SÔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 31/12/2013

Tài khoản: 642-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra			
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	...	6422	...	6428
19/12	PC21 /12	21/12	Mua văn phòng phẩm	111	345.000		...	345.000		
19/12	PC22 /12	19/12	Thanh toán tiền tiếp khách	111	3.783.993		...			3.783.993
20/12	PC23 /12	20/12	Thanh toán tiền thuê xe ô tô cán bộ đi công tác	111	1.567.000		...			1.567.000
		
31/12	PKT 63	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911		898.559.803				
			Cộng số phát sinh		898.559.803	898.559.803	..	5.554.200	..	77.334.556
			Số dư cuối kỳ							

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.4- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

3.2.2.3. Áp dụng chiết khấu thanh toán tại Công ty cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán. Việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp cho công ty khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.

- Phương pháp xác định:

Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của ngân hàng.

Công ty cần có những biện pháp thiết thực như:

- + Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng ngành.

- + Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

- + Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp

- + Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng chiết khấu theo thời gian.

- Phương pháp hạch toán chiết khấu thanh toán:

- Tài khoản sử dụng TK 635-“ Chi phí hoạt động tài chính”.

- Phương pháp hạch toán:

B1: Khi phát sinh nghiệp vụ chiết khấu thanh toán, ghi:

Nợ TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111,112,131

B2: Cuối năm, kết chuyển chiết khấu thanh toán sang tài khoản xác định kết quả hoạt động kinh doanh, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Có 635: Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

3.2.2.4. Về việc áp dụng chiết khấu thương mại (đối với lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng)

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Hiện nay không có văn bản chính thức nào quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại, công ty có thể căn cứ vào sản lượng tiêu thụ, giá bán thực tế của công ty. Đồng thời công ty có thể tính toán tỷ lệ chiết khấu đầu vào được hưởng khi mua nhiều để xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Trên hóa đơn thể hiện rõ dòng ghi chiết khấu thương mại mà khách hàng được hưởng.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khi thanh toán tiền hàng cho khách hàng doanh nghiệp phải xuất hóa đơn chiết khấu thương mại, lập phiếu chi tiền theo đúng quy định cho khách hàng.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

Phương pháp hạch toán:

Tài khoản sử dụng: TK 521_ Chiết khấu thương mại

Phương pháp hạch toán:

Khi phát sinh chiết khấu thương mại ghi:

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331: Thuế GTGT tương ứng

Có TK 131, 111, 112:

Cuối năm, kết chuyển số chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK521: Chiết khấu thương mại

3.2.2.5. Xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động

Hiện nay công ty có 2 hoạt động chính là xây lắp và kinh doanh vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, công ty vẫn chưa xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động.

Theo như giải pháp tại mục 3.2.2.2 em đã đề xuất công ty nên mở sổ chi tiết cho tài khoản 511 để theo dõi doanh thu cho từng hoạt động.

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định vào cuối năm khi kết chuyển số liệu từ sổ cái TK 154 sang TK 632. Từ đó ta xác định được giá vốn hoạt động bán vật liệu xây dựng như sau:

Giá vốn bán vật liệu xây dựng = Tổng giá vốn - Giá vốn xây lắp.

Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642) công ty nên thực hiện phân bổ theo doanh thu tiêu thụ

Công thức phân bổ

Chi phí QLDN cho xây lắp	=	Tổng chi phí QLDN phát sinh trong kỳ	X	$\frac{\text{Doanh thu xây lắp}}{\text{Tổng doanh thu công ty trong kỳ}}$
Chi phí QLDN cho kinh doanh vật liệu xây dựng	=	Tổng chi phí QLDN phát sinh trong kỳ	-	Chi phí QLDN cho xây lắp

Cuối kỳ kế toán tập hợp doanh thu chi phí theo từng hoạt động nhằm xác định chính xác lợi nhuận từng hoạt động giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định quản trị chính xác.

Công thức xác định lợi nhuận từng hoạt động.

Lợi nhuận từng hoạt động	=	Doanh thu từng hoạt động	-	Giá vốn hàng bán của từng hoạt động	-	Chi phí QLDN phân bổ cho từng hoạt động
--------------------------------	---	--------------------------------	---	--	---	---

Bảng xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động của công ty cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh

Hoạt động kinh doanh	Doanh thu	Giá vốn hàng bán	Chi phí QLDN phân bổ cho từng hoạt động	Lợi nhuận
A	1	2	3	$4=1-(2+3)$
Xây lắp				
Kinh doanh vật liệu xây dựng				

3.2.2.6. Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận để hạn chế việc mất mát hay bỏ sót khi giao nhận chứng từ giữa các phòng ban. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung. Sau đây, em xin đưa ra mẫu phiếu giao nhận chứng từ.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI PHÚC THỊNH
Xã Tú Sơn-Kiến Thụy-Hải Phòng

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày tháng	Loại chứng từ	Số hiệu chứng từ	Ký tên	
			Bên giao	Bên nhận

Ngày...tháng...năm...

Biểu số 3.5- Sổ giao nhận chứng

3.2.2.7. Sử dụng phần mềm kế toán trong tổ chức kế toán

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ dành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng Công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty. Hiện tại phòng kế toán của Công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT – BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa
- Phần mềm SAS-INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam.....
- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.
- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ Công ty, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết (Sổ cái, Sáo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

Sau đây em xin đưa ra giao diện các phần mềm kế toán:

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012



Chức năng:

Phần mềm kế toán gồm có 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán và vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quảng lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với phần mềm MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo nghị định 51/2010/NĐ-CP

- **Phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8.1.Pro**

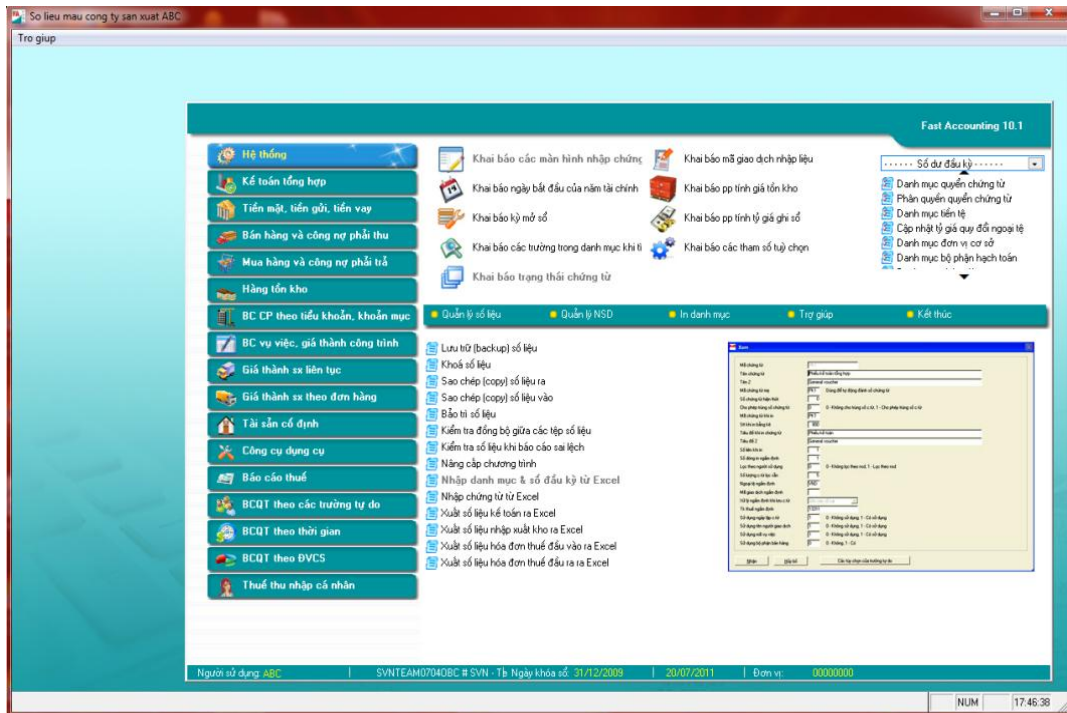


Chức năng:

Phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8.1 Pro có rất nhiều tính năng nổi trội như: cập nhật chứng từ kế toán không cần biết định khoản (giao dịch được định nghĩa sẵn), giảm 80% thời gian nhập các chứng từ tương tự với các chức năng “copy” chứng từ, tạo vào in phiếu thu, in phiếu xuất ngay trên hóa đơn bán hàng, tạo và in phiếu chi ngay trên hóa đơn mua hàng, chuyển các chứng từ nhập chỉ bằng 1 kích chuột, giao diện Anh- Việt, báo cáo theo thông tư 60, báo cáo tài chính theo quyết định 15 hoặc 48, tích hợp mã vạch 2 chiều vào tờ khai thuế.

Ngoài ra, phần mềm này được thiết kế dựa trên các quyết định mới nhất của bộ tài chính như Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, Quyết định 48/2006/QĐ-BTC, thông tư 60/2007/TT-BTC hướng dẫn kê khai thuế, thông tư 127/2004/TT-BTC ban hành ngày 27/12/2004 về việc sửa đổi bổ sung thông tư 84/2004/TT-BTC và thông tư 120/2003/TT-BTC.. Với sản phẩm này, người dùng chỉ cần nhập các số liệu đầu vào phát sinh, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán, thông tin quản trị, thông tin về phân tích tài chính, sản xuất, kinh doanh.

• Phần mềm kế toán FAST



Chức năng:

Phần mềm Fast accounting (phiên bản 10.1) mang những tính năng nổi trội như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm..), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt..). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Với những kiến thức được trang bị trong quá trình học và quá trình thực tập thực tế tại công ty em đã lựa chọn đề tài này để viết chuyên đề tốt nghiệp của mình và mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hơn kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng vận tải Phúc Thịnh.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của cô giáo Th.S Trần Thị Thanh Phương cùng các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, cũng như Ban lãnh đạo, các nhân viên của Công ty CP xây dựng vận tải Phúc Thịnh đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo để em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Bùi Thị Ngân

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1, Quyển 2) (*Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính*)
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
4. Kế toán doanh nghiệp – *Chủ biên PGS.TS Nguyễn Văn Công*
5. Kinh tế và phân tích hoạt động kinh doanh – *Chủ biên PGS.TS Phạm Văn Kế*
6. Kế toán tài chính – TS Phan Đức Dũng – NXB thống kê
7. Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam
PGS.TS. Đào Văn Tài
TS. Võ Văn Nhị
Trần Anh Hoa
8. Khóa luận của các khóa 11, 12 tại thư viện trường Đại học dân lập Hải Phòng